ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT NĂM 2017 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 40/2016/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh Cà Mau)

PHỤ LỤC I: HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ

1. THÀNH PHỐ CÀ MAU

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
1	Ngô Quyền	Công trường Bạch Đằng	Lý Bôn	1.8
2	nt	Lý Bôn	Nguyễn Trãi	1.8
3	nt	Nguyễn Trãi	Đinh Tiên Hoàng	1.5
4	nt	Đinh Tiên Hoàng	Cổng Công viên Văn hóa	1.5
5	nt	Cổng Công viên Văn hóa	Tạ Uyên	1.8
6	nt	Tạ Uyên	Lương Thế Vinh	1.8
7	nt	Lương Thế Vinh	Võ Văn Tần	1.8
8	nt	Võ Văn Tần	Hết ranh phường 1	1.8

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
9	Ngô Quyền	Hết ranh phường 1	Vòng xoay đường Ngô Quyền	1.8
10	Đường đi UBND xã Hồ Thị Kỷ	Vòng xoay đường Ngô Quyền	Cầu Bạch Ngưu	1.8
11	Lý Thái Tôn	Lê Lợi	Phan Ngọc Hiển	1.4
12	nt	Phan Ngọc Hiển	Phạm Hồng Thám	1.6
13	Phạm Hồng Thám	Lý Thái Tôn	Lý Bôn	1.8
14	nt	Lý Bôn	Lâm Thành Mậu	1.6
15	Lâm Thành Mậu	Cầu Phụng Hiệp	Phạm Hồng Thám	1.5
16	nt	Phạm Hồng Thám	Hết ranh lò giết mổ	1.5
17	nt	Hết ranh lò giết mổ	Hết ranh phường 4	1.5
18	nt	Hết ranh phường 4	Hết ranh phường Tân Xuyên	1.3
19	Phan Ngọc Hiển	Lý Thường Kiệt	Mố cầu Phụng Hiệp	1.6
20	nt	Mố cầu Phụng Hiệp	Quang Trung: bên trái	1.5
21	nt		Quang Trung: bên phải	1.5
22	nt	Phạm Văn Ký	Lý Bôn (2 bên cầu)	1.5
23	nt	Lý Bôn	Phan Đình Phùng	1.8
24	nt	Phan Đình Phùng	Lý Thái Tôn	1.8

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
25	Phan Ngọc Hiển	Lý Thái Tôn	Nguyễn Trãi	1.8
26	nt	Nguyễn Trãi	Đinh Tiên Hoàng	1.8
27	Phạm Văn Ký	Phan Ngọc Hiển	Nguyễn Hữu Lễ	1.8
28	nt	Nguyễn Hữu Lễ	Phan Chu Trinh	1.8
29	nt	Phan Chu Trinh	Trưng Trắc	1.8
30	Lý Bôn	Lê Lợi	Hoàng Diệu	1.8
31	nt	Hoàng Diệu	Nguyễn Hữu Lễ	1.8
32	nt	Nguyễn Hữu Lễ	Phan Ngọc Hiển	1.8
33	nt	Phan Ngọc Hiển	Bùi Thị Xuân	1.8
34	nt	Bùi Thị Xuân	Phạm Hồng Thám	1.8
35	nt	Phạm Hồng Thám	Nguyễn Thiện Năng	1.8
36	Phan Đình Phùng	Lê Lợi	Hoàng Diệu	1.8
37	nt	Hoàng Diệu	Ngô Quyền	1.8
38	nt	Ngô Quyền	Bùi Thị Xuân	1.8
39	Hoàng Diệu	Công trường Bạch Đằng	Lý Bôn	1.8
40	Hoàng Diệu	Lý Bôn	Phan Đình Phùng	1.8

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
41	nt	Phan Đình Phùng	Lý Thái Tôn	1.8
42	Nguyễn Hữu Lễ	Lý Thái Tôn	Lý Bôn	1.8
43	nt	Lý Bôn	Phạm Văn Ký	1.8
44	Lê Lợi	Trưng Nhị	Lê Lai	1.8
45	nt	Lê Lai	Nguyễn Trãi	1.8
46	Lý Văn Lâm	Nguyễn Trãi	Cống bến Tàu A (cũ)	1.6
47	nt	Cống bến Tàu A (cũ)	Cổng Công viên Văn hóa	1.6
48	nt	Cổng Công viên Văn hóa	Hết ranh trường Tiểu học phường 1, khu A	1.6
49	nt	Hết ranh trường Tiểu học phường 1, khu A	Lương Thế Vinh	1.6
50	nt	Lương Thế Vinh	Võ Văn Tần	1.6
51	nt	Võ Văn Tần	Ranh Phường 1	1.6
52	nt	Ranh Phường 1	Cầu Giồng Kè	1.6
53	Nguyễn Trãi	Lê Lợi	Phan Ngọc Hiển	1.8
54	nt	Phan Ngọc Hiển	Nguyễn Thiện Năng	1.8
55	Nguyễn Trãi	Nguyễn Thiện Năng	Tạ Uyên	1.8
56	nt	Tạ Uyên	Hết ranh khách sạn Best	1.5

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	***Đến***	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
57	nt	Hết ranh khách sạn Best	Cống Kênh Mới	1.3
58	Quốc lộ 63	Cống Kênh Mới	Đường vào UBND phường Tân Xuyên	1.5
59	nt	Đường vào UBND phường Tân Xuyên	Cầu số 2	1.4
60	Đường Kênh Củi	Nguyễn Trãi	Hết ranh Trường tiểu học phường 9 (Khu C)	1.2
61	nt	Đoạn còn lại		1.2
62	Kênh Mới	Quốc lộ 63	Cầu Thanh Niên	1.2
63	Đề Thám	Toàn tuyến		1.8
64	Phan Chu Trinh	Toàn tuyến		1.8
65	Trưng Trắc	Toàn tuyến		1.8
66	Trưng Nhị	Toàn tuyến		1.8
67	Lê Lai	Toàn tuyến		1.8
68	Vưu Văn Tỷ	Phan Chu Trinh	Nguyễn Hữu Lễ	1.8
69	Nguyễn Thiện Năng	Lâm Thành Mậu	Nguyễn Trãi	1.5
70	Bùi Thị Xuân	Lý Bôn	Lý Thái Tôn	1.8
71	Đường vào Thành đội Cà Mau	Nguyễn Trãi	Hết ranh đất của Thành đội	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	***Đến***	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
72	Phan Bội Châu	Quang Trung	Hết ranh Sở Thủy sản cũ	1.8
73	nt	Hết ranh Sở Thủy sản cũ	Cầu Gành Hào	1.8
74	nt	Cầu Gành Hào	Hẻm 159	1.6
75	nt	Hẻm 159	Hẻm Bệnh viện sản - nhi	1.5
76	Quang Trung	Phan Bội Châu	Cầu Cà Mau	1.8
77	nt	Cầu Cà Mau	Cầu Phụng Hiệp	1.8
78	nt	Cầu Phụng Hiệp	Bùi Thị Trường	1.5
79	Quang Trung	Bùi Thị Trường	Cầu Bùng Binh	1.5
80	nt	Cầu Bùng Binh	Đường 3/2	1.5
81	nt	Đường 3/2	Cống Cà Mau	1.5
82	Kênh Xáng Phụng Hiệp	Cống Cà Mau	Hết Bến tàu liên tỉnh	1.3
83	nt	Hết Bến tàu liên tỉnh	Vàm Cái Nhúc	1.3
84	nt	Vàm Cái Nhúc	Hết ranh phường Tân Thành	1.3
85	Đường Kênh xáng Cái Nhúc	Vàm Cái Nhúc đi UBND phường Tân Thành	Hết ranh Phường Tân Thành	1.2
86	Bùi Thị Trường	Quang Trung	Hùng Vương	1.7

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	***Đến***	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
87	nt	Hùng Vương	Nguyễn Ngọc Sanh	1.8
88	Trần Văn Thời	Nguyễn Ngọc Sanh	Đường 3/2	1.8
89	Lý Thường Kiệt	Ranh phường 6	Đầu lộ Tân Thành	1.4
90	nt	Đầu lộ Tân Thành	Cột mốc KM số 4	1.4
91	nt	Cột mốc KM số 4	Đường vào sân bay	1.4
92	nt	Đường vào sân bay	Cách bến xe liên tỉnh: 100m	1.8
93	nt	Riêng khu vực bến xe liên tỉnh	Cách 2 bên: 100m	1.8
94	Lý Thường Kiệt	Cách bến xe liên tỉnh: 100m	Hẻm đối diện nhà thờ Bảo Lộc	1.8
95	nt	Hẻm đối diện nhà thờ Bảo Lộc	Tượng đài	1.8
96	nt	Tượng đài	Mố cầu Cà Mau	1.8
97	nt	Mố cầu Cà Mau	Quang Trung (2 bên cầu)	1.8
98	An Dương Vương	Lý Thường Kiệt	Hùng Vương	1.8
99	nt	Hùng Vương	Hồ Trung Thành	1.8
100	An Dương Vương	Hồ Trung Thành	Đường 6A, 6B	1.8
101	Hùng Vương	Huỳnh Ngọc Điệp	Bông Văn Dĩa	1.5
102	nt	Bông Văn Dĩa	Bùi Thị Trường	1.5

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
103	nt	Bùi Thị Trường	Phan Ngọc Hiển	1.8
104	nt	Phan Ngọc Hiển	Lý Thường Kiệt	1.5
105	nt	Lý Thường Kiệt	Mố cầu Gành Hào	1.2
106	nt	Mố cầu Gành Hào	Phan Bội Châu: Bên phải	1.4
107	nt		Phan Bội Châu: Bên trái	1.4
108	Lưu Tấn Tài	Phan Ngọc Hiển	Lý Thường Kiệt	1.8
109	Trần Hưng Đạo	Phan Bội Châu	Mố cầu Huỳnh Thúc Kháng (2 bên)	1.8
110	nt	Mố cầu Huỳnh Thúc Kháng	Lý Thường Kiệt	1.5
111	nt	Lý Thường Kiệt	Phan Ngọc Hiển	1.5
112	nt	Phan Ngọc Hiển	Bùi Thị Trường	1.8
113	nt	Bùi Thị Trường	Nguyễn Du	1.8
114	nt	Nguyễn Du	Đường 3/2	1.8
115	Trần Hưng Đạo	Đường 3/2	Ranh Dự án khu hành chính và công trình công cộng Cửa ngõ Đông Bắc	1.8
116	nt	Hết ranh Dự án khu hành chính và công trình công cộng Cửa ngõ Đông Bắc	Hết ranh phường 5	1.8
117	nt	Hết ranh phường 5	Cầu Cái Nhúc	1.8

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
118	Quản lộ Phụng Hiệp	Cầu Cái Nhúc	Ranh phường Tân Thành	1.8
119	Lê Đại Hành	Phan Ngọc Hiển	Lý Thường Kiệt	1.5
120	Trần Văn Bỉnh	Nguyễn Ngọc Sanh	Trần Hưng Đạo	1.6
121	nt	Trần Hưng Đạo	Hùng Vương	1.6
122	Châu Văn Đặng	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Ngọc Sanh	1.6
123	Nguyễn Ngọc Sanh	Phan Ngọc Hiển	Đường 30/4	1.6
124	Đường 30/4	Bông Văn Dĩa	Trần Hưng Đạo	1.6
125	nt	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Ngọc Sanh	1.6
126	nt	Nguyễn Ngọc Sanh	Trần Văn Thời	1.6
127	Đường 1/5	Trần Hưng Đạo	Đường 30/4	1.8
128	Đường số 1, 2, 3 (Giới hạn giữa đường 30/4 và đường 1/5)	Đường 30/4	Đường 1/5	1.5
129	Đường số 1	Đường 3/2	Ranh Dự án khu hành chính và công trình công cộng Cửa ngõ Đông Bắc	1.5
130	Đường 3/2	Lý Thường Kiệt	Trần Văn Thời	1.5
131	nt	Trần Văn Thời	Tôn Đức Thắng	1.5
132	nt	Tôn Đức Thắng	Trần Hưng Đạo	1.4

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	***Đến***	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
133	nt	Trần Hưng Đạo	Quang Trung	1.5
134	Tôn Đức Thắng	Trần Quang Khải	Trần Hưng Đạo	1.6
135	nt	Trần Hưng Đạo	Đường 3/2	1.8
136	nt	Đường 3/2	Hết đường nhựa hiện hữu	1.8
137	Nguyễn Du	Đường 3/2	Trần Hưng Đạo	1.5
138	nt	Trần Hưng Đạo	Quang Trung	1.5
139	Lê Công Nhân	Nguyễn Du	Đường 3/2	1.5
140	Phạm Ngũ Lão	Nguyễn Du	Tôn Đức Thắng	1.5
141	nt	Tôn Đức Thắng	Tô Hiến Thành	1.5
142	nt	Tô Hiến Thành	Đường 3/2	1.5
143	Lê Hoàng Thá	Tô Hiến Thành	Đường 3/2	1.5
144	nt	Đường 3/2	Hết đường hiện hữu	1.5
145	Mạc Đĩnh Chi	Tô Hiến Thành	Đường 3/2	1.5
146	nt	Đường 3/2	Hết đường nhựa hiện hữu	1.5
147	Nguyễn Đình Thi	Đường 3/2	Tô Hiến Thành	1.5
148	Ngô Gia Tự	Huỳnh Ngọc Điệp	Đường 3/2	1.5

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
149	nt	Đường 3/2	Ranh Dự án khu hành chính và công trình công cộng Cửa ngõ Đông Bắc	1.5
150	Nguyễn Việt Khái	Toàn tuyến		1.5
151	Huỳnh Ngọc Điệp	Kênh xáng Phụng Hiệp	Hùng Vương	1.5
152	Huỳnh Ngọc Điệp	Hùng Vương	Nguyễn Du	1.5
153	Nguyễn Thái Bình	Nguyễn Việt Khái	Trần Hưng Đạo	1.5
154	Tô Hiến Thành	Mạc Đỉnh Chi	Trần Hưng Đạo	1.5
155	nt	Trần Hưng Đạo	Đường 3/2	1.5
156	Trần Quang Khải	Nguyễn Du	Đường 3/2	1.5
157	nt	Đường 3/2	Ranh Dự án khu hành chính và công trình công cộng Cửa ngõ Đông Bắc	1.8
158	Trần Bình Trọng	Nguyễn Du	Đường 3/2	1.5
159	Trần Bình Trọng	Đường 3/2	Ranh Dự án khu hành chính và công trình công cộng Cửa ngõ Đông Bắc	1.5
160	Tôn Thất Tùng	Ngô Gia Tự	Quang Trung	1.5
161	Lê Khắc Xương	Lý Thường Kiệt	Trần Văn Thời	1.5
162	Nguyễn Tất Thành	Trương Phùng Xuân (Bên trái - Phía Sở GTVT)	Cao Thắng	1.5

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
163	nt	Trương Phùng Xuân (Bên phải - Phía trường TH Kinh tế - Kỹ thuật)	Hết ranh trường Lương Thế Vinh	1.5
164	nt	Cao Thắng	Nguyễn Công Trứ	1.8
165	nt	Nguyễn Công Trứ	Cống Hội đồng Nguyên	1.8
166	Đường 19/5	Nguyễn Tất Thành	Kênh Rạch Rập	1.5
167	Đường lộ mới (Lộ kinh Tám Dần)	Nguyễn Tất Thành	Kênh Rạch Rập	1.5
168	Lộ Kinh Tỉnh đội (2 bên)	Nguyễn Công Trứ	Đường 19/5	1.5
169	Trương Phùng Xuân	Đường số 3	Đường số 1 (Dự án của Công ty DV - TM)	1.5
170	nt	Đường số 1 (Dự án của Công ty DV - TM)	Cầu Gành Hào	1.5
171	nt	Cầu Gành Hào	Kênh Rạch Rập	1.5
172	nt	Kênh Rạch Rập	Cống Bà Cai	1.5
173	Trương Phùng Xuân	Cống Bà Cai	Giáp ranh xã Lợi An	1.5
174	Đường kênh Rạch Rập (Phía Đông)	Trương Phùng Xuân	Đường 19/5	1.5
175	nt	Đường 19/5	Hết ranh phường 8	1.5
176	Đường kênh Rạch Rập (Phía Tây)	Trương Phùng Xuân	Đối diện đường 19/5	1.5
177	nt	Đối diện đường 19/5	Hết ranh phường 8	1.5

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
178	Nguyễn Công Trứ	Cảng cá Cà Mau	Lê Hồng Phong	1.3
179	Nguyễn Công Trứ	Lê Hồng Phong	Nguyễn Tất Thành	1.5
180	nt	Nguyễn Tất Thành	Kênh Rạch Rập	1.8
181	Kênh 26/3	Kênh Rạch Rập	Kênh Bà Cai	1.5
182	Cao Thắng	Nguyễn Tất Thành	Lê Hồng Phong	1.5
183	Lê Hồng Phong	Cao Thắng	Nguyễn Công Trứ	1.5
184	nt	Nguyễn Công Trứ	Nguyễn Đình Chiểu	1.5
185	nt	Nguyễn Đình Chiểu	Hết ranh Phường 8	1.5
186	Lưu Hữu Phước	Toàn tuyến		1.5
187	Nguyễn Bỉnh Khiêm	Toàn tuyến		1.5
188	Nguyễn Đình Chiểu	Lê Hồng Phong	Nguyễn Tất Thành	1.5
189	nt	Nguyễn Tất Thành	Hết đường nhựa hiện hữu	1.5
190	Đường số 5	Nguyễn Đình Chiểu	Giáp ranh xã Lý Văn Lâm	1.5
191	Đường số 12	Nguyễn Công Trứ	Đường 19/5	1.5
192	Kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu	Ngã ba sông Gành Hào	Cống Đôi, Phường 6	1.5
193	nt	Cống Đôi, Phường 6	Giáp ranh giới xã Định Bình	1.5

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
194	Huỳnh Thúc Kháng	Kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu	Mố cầu Huỳnh Thúc Kháng (2 bên)	1.5
195	nt	Mố cầu Huỳnh Thúc Kháng	Hết ranh Trường tiểu học Lạc Long Quân 2	1.2
196	nt	Hết ranh Trường tiểu học Lạc Long Quân 2	Hết ranh nhà thờ Ao Kho	1.2
197	nt	Hết ranh nhà thờ Ao Kho	Hết ranh phường 7	1.2
	Khu dự án của Công ty Dịch vụ - Thương mại, phường 8			
198	Đường số 1	Cao Thắng	Trương Phùng Xuân	1.5
199	Đường số 2	Đường số 1	Đường số 3 (Giáp Nhị tỳ)	1.5

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
	(2)	*(3)*	*(4)*	*(5)*
200	Đường số 6, 7 (Số 2, số 4 mới)	Đường số 1	Đường số 3 (Giáp Nhị tỳ)	1.5
201	Đường số 3 (Giáp Nhị tỳ)	Cao Thắng	Trương Phùng Xuân	1.5
	Khu phường 8			
202	Lê Anh Xuân	Quách Văn Phẩm	Lê Vĩnh Hòa	1.5
203	nt	Lê Vĩnh Hòa	Nguyễn Bỉnh Khiêm	1.5
204	Nguyễn Mai	Toàn tuyến		1.5
205	Nguyễn Ngọc Cung	Toàn tuyến đường hiện hữu		1.5
206	Lê Vĩnh Hòa	Lê Hồng Phong	Lưu Hữu Phước	1.5
207	nt	Đoạn còn lại		1.5
208	Khu D - Phường 8			1.5
209	Quách Văn Phẩm	Lê Hồng Phong	Hết đường hiện hữu	1.5
210	Trần Văn Ơn	Quách Văn Phẩm	Hết đường hiện hữu	1.5
211	Đại Đức Hữu Nhem	Lý Văn Lâm	Vào 50m	1.5
212	nt	> 50m - 100m		1.3
213	nt	Đoạn còn lại		1.3
214	Đường vào UBND phường 1	Lý Văn Lâm	Hết ranh trường Mẫu giáo Họa Mi	1.5

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
215	Các đường nhánh xung quanh UBND phường 1			1.5
216	Các đường nhánh thuộc khu Tân Lộc - Phường 9			1.5
217	Nguyễn Văn Trỗi	Trần Hưng Đạo	Hết đường nhựa hiện hữu	1.5
218	nt	Đoạn song song với đường Trần Hưng Đạo		1.5
219	nt	Trần Hưng Đạo	Hết đường hiện hữu (Đường vào chợ phường 5)	1.5
220	Bông Văn Dĩa	Toàn tuyến		1.5
221	Hải Thượng Lãn Ông	Huỳnh Thúc Kháng	Hết ranh Bệnh viện đa khoa Cà Mau	1.5
222	nt	Hết ranh Bệnh viện đa khoa Cà Mau	Kênh Cống Đôi	1.5
223	nt	Kênh Cống Đôi	Cống Cầu Nhum	1.5
224	Đường bờ sông Gành Hào phường 7	Kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu	Hết ranh nhà thờ Ao Kho	1.5
225	Đường vào trụ sở Công ty CaMiMex	Lê Hồng Phong	Hết ranh trụ sở Công ty CaMiMex	1.5
226	Đinh Tiên Hoàng	Phan Ngọc Hiển	Ngô Quyền	1.5
227	nt	Ngô Quyền	Hết đường hiện hữu (Hướng về phường 1)	1.5
228	Hoa Lư	Toàn tuyến		1.5
	Khu Trung tâm Thương mại Phường 7			

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	***Đến***	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
229	Hồ Trung Thành	Đường số 12	Đường số 8	1.6
230	Đường số 16	Đoạn quanh Siêu thị (Gồm các đường: Sư Vạn Hạnh và La Văn Cầu)		1.6
231	Đường số 17	Đường số 11	UBND phường 7	1.6
232	Đường số 6A	Cuối đường An Dương Vương	Phan Bội Châu	1.6
233	Đường số 6B	Cuối An Dương Vương	Quang Trung	1.6
234	Hẻm 43 (tên cũ Đường số 4)	Toàn tuyến		1.6
235	Hẻm 27 (tên cũ Đường số 5)	Toàn tuyến		1.6
236	Đường số 10	Toàn tuyến		1.6
237	Đường số 13	Đường số 10	Hồ Trung Thành	1.6
238	Đường số 11	Hùng Vương	Hồ Trung Thành	1.6
239	nt	Hồ Trung Thành	Đường số 12	1.6
240	Đường số 12	Toàn tuyến		1.6
241	Đường số 8	Hồ Trung Thành	Đường số 3	1.6
242	Các đường xuống Bến tàu B	Cao Thắng	Trương Phùng Xuân	1.5
243	Đường vào UBND phường Tân Thành	Lý Thường Kiệt	Hết ranh phường 6	1.4

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
244	nt	Hết ranh phường 6	Kênh xáng Cái Nhúc (Trụ sở UBND phường Tân Thành)	1.4
245	Tuyến Ông Tơ	Kênh Xáng Cái Nhúc	Kênh Xáng Phụng Hiệp	1.2
246	Đường vào khu tập thể Sở Tài chính			1.5
247	Kênh Cống Đôi (2 bờ kênh)			1.2
248	Khu dự án sau hậu đường Nguyễn Đình Chiểu			1.2
249	Khu dự án Công ty Cổ phần xây dựng Thủy Lợi			1.5
250	Khu đất phía sau Co.opMart (Khu Đại đội Thông tin phường 5 cũ)			1.5
251	Đường nội bộ Chợ nông sản thực phẩm phường 7			1.5
252	Đường vào Đài không lưu, phường 6	Các lô từ 7A	Đến 21A	1.2
253	nt	Các lô từ 22A	Đến 36A	1.2
254	Trần Văn Phú	Trần Văn Thời	Đường 30/4	1.5
255	Võ Văn Tần	Ngô Quyền	Lý Văn Lâm	1.5
256	Lương Thế Vinh	Ngô Quyền	Lý Văn Lâm	1.5
257	Mậu Thân	Nguyễn Trãi	Trần Quang Diệu	1.5
258	Mậu Thân	Trần Quang Diệu	Vòng xoay đường Ngô Quyền	1.5

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
259	Võ Văn Kiệt	Vòng xoay đường Ngô Quyền	Kênh xáng Bạch Ngưu	1.3
260	Tạ Uyên	Nguyễn Trãi	Ngô Quyền (Tên cũ: Hết ranh trường Tiểu học Phường 1)	1.4
261	Trần Quang Diệu	Tạ Uyên	Hết tranh trường trung cấp nghề	1.4
262	Đoàn Giỏi	Trần Quang Diệu	Đường số 16	1.4
263	Ngô Thời Nhiệm	Mậu Thân	Hết ranh Trường tiểu học Phường 9	1.4
264	Nguyễn Hữu Nghĩa	Mậu Thân	Hết ranh Trường tiểu học Phường 9	1.4
265	Trương Định	Mậu Thân	Hết ranh Trường tiểu học Phường 9	1.4
266	Tuyến cù lao sông Cái Nhúc (Lộ bê tông 2,5m)	Cầu Vàm Cái Nhúc	Cầu Cái Nhúc	1.4
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1.4
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1.4

2. HUYỆN THỚI BÌNH

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
1	Đường 3 tháng 2	Ngã ba bưu điện huyện	Ngã tư Quỹ tín dụng	1.0
2	nt	Ngã tư Quỹ tín dụng	Hết ranh đất ông Phạm Chí Thành	1.0
3	Đường 30 tháng 4	Hết ranh đất ông Phạm Chí Thành (Hai bên)	Hết ranh đất ông Quới (Hai bên)	1.0
4	Các tuyến khác	Ngã tư Quỹ tín dụng	Hết ranh đất ông Hai Khuê (Hai bên lộ)	1.4
5	Đường Hồ Thị Kỷ	Hết ranh đất ông Quới (Hai bên)	Ngã ba bưu điện huyện	1.0
6	Khu Trung tâm chợ	Ngã ba bưu điện huyện	Cầu Bà Đặng	1.4
7	nt	Nhà bia ghi danh Liệt sỹ	Giáp ngã tư Tiệm thuốc tây Thịnh Phát	1.0
8	Đường Hồ Thị Kỷ	Hết ranh đất ông Quới	Đầu kênh Láng Trâm	1.2
9	nt	Đầu kênh xáng Láng Trâm (Theo bờ Sông Trẹm)	Hết ranh bến tàu Thới Bình	1.0
10	nt	Hết ranh bến tàu Thới Bình	Rạch Bà Hội	1.0
11	Đường 3 tháng 2	Ranh đất ông Chín (hai bên lộ)	Cống kênh Tám Thước	1.5
12	Kênh Láng Trâm – Cầu Bà Hội (Đoạn giáp tuyến lộ Thới Bình - U Minh)	Kênh Láng Trâm	Cầu Bà Hội	1.0
13	Các tuyến khác	Sông Trẹm (Theo bờ Bắc kênh Láng Trâm)	Lộ Thới Bình - Tân Lộc (Giao lộ nhà ông Trí)	1.0

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
14	Đường 30 tháng 4	Giao lộ 30/4 - 3/2 (Tên cũ: Ranh đất ông Thắng (Hai bên lộ))	Cầu bà Đặng Trong (Tên cũ: Hết ranh đất ông Triều Tân (Hai bên lộ))	1.2
15	Các tuyến thuộc khu dân cư khóm 8, thị trấn	Rạch Bà Năm	Kênh Tám Thước	1.0
16	Đường 30 tháng 4	Rạch Bà Đặng (Ranh đất ông Năm Dân), hai bên lộ	Lộ UBND xã Thới Bình đi Bà Đặng	1.2
17	Các tuyến thuộc khu dân cư Bệnh viện đa khoa Thới Bình			1.0
18	Các tuyến thuộc khu dân cư khóm 1, thị trấn			1.4
19	Đường 19 tháng 5	Đình Thần	Giáp ranh Phòng Nông nghiệp	1.0
20	Đường 1 tháng 5	Giáp lộ Đình Thần đến Phòng Nông nghiệp	Giáp lộ nhựa Thới Bình - Tân Bằng (Đường Hành lang ven biển phía Nam cũ)	1.1
21	Lộ bê tông Trung tâm Văn hóa TDTT và khu vực liền kề	Giáp ranh Phòng Nông nghiệp	Ngã 3 sông Trẹm	1.0
22	nt	Giáp ranh Phòng Nông nghiệp	Trung tâm Thể dục thể thao	1.4
23	nt	Hết ranh Trung tâm Thể dục thể thao	Hết ranh Trung tâm giáo dục thường xuyên	1.0
24	Đường Mậu Thân	Cầu bà Đặng (Bờ Nam)	Đường 30 tháng 4	1.0
25	Lộ Rạch Bà Đặng	Cầu bà Đặng (Bờ Bắc)	Đường 30 tháng 4	1.0
26	Đường Mậu Thân	Đường 30 tháng 4 (Ranh đất ông Bảy Nguyên)	Cầu (Ngang nhà Năm Xuân)	1.0

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
27	Lộ Rạch Bà Đặng	Đường 30 tháng 4 (Ranh đất ông Thắng)	Cầu (Ngang nhà Năm Xuân, Tư Mười)	1.0
28	Đường Mậu Thân	Cầu (Ngang nhà Năm Xuân) bờ Nam	Giáp ranh xã Thới Bình	1.0
29	Lộ Rạch Bà Đặng	Cầu (Ngang nhà Năm Xuân, Tư Mười) bờ Bắc	Giáp ranh xã Thới Bình	1.0
30	Lộ thị trấn Thới Bình - Tân Lộc	Cống kênh Tám Thước	Cách cầu Bà Hội: 500m	1.0
31	nt	Cách cầu Bà Hội: 500m	Cầu Bà Hội + 100m	1.0
32	Bờ Tây Sông Trẹm	Kênh Zê Rô (Ranh đất ông Thế)	Rạch Giồng Nhỏ	1.0
33	nt	Rạch Giồng Nhỏ	Giáp ranh xã Thới Bình	1.0
34	nt	Kênh Zê Rô (Bờ Tây sông Trẹm)	Đầu kênh xáng (Đối diện Đình Thần)	1.0
35	nt	Đầu kênh Zê Rô (Giáp sông Trẹm)	Đi U Minh (Hết ranh đất ông Bảy Cần)	1.0
36	Thị trấn - Biển Bạch (Bờ Đông Sông Trẹm)	Ngã ba sông Trèm Trẹm	Đình Thần	1.0
37	nt	Đình Thần	Rạch Ông	1.0
38	nt	Rạch Ông	Kênh Ba Chùa	1.0
39	Lộ bê tông qua đất ông Sáu Đạt	Giáp lộ bê tông Thới Bình - Biển Bạch	Giáp lộ nhựa Thới Bình -Tân Bằng	1.0
40	Bờ Tây sông Trẹm	Đầu kênh xáng (Đối diện Đình Thần)	Kênh số 1	1.0
41	nt	Đầu kênh số 1	Bờ bao (Tiểu khu 14)	1.0

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
42	Lộ Rạch Ông	Giáp lộ bê tông Thới Bình - Biển Bạch	Giáp lộ nhựa Thới Bình - Tân Bằng	1.0
43	nt	Giáp lộ nhựa Thới Bình - Tân Bằng	Kênh Dân Quân (Xã Thới Bình)	1.0
44	Đường Lê Hoàng Thá	Trụ sở Công an huyện (Giáp kênh Chắc Băng)	Rạch Ông	1.4
45	nt	Rạch Ông	Kênh Ba Chùa	1.0
46	Tuyến lộ thị trấn Thới Bình - Trí Phải	Cầu Bà Đặng	Phòng Giáo dục (Giáp ranh xã Thới Bình)	1.0
47	Kinh Chắc Băng (Bờ Tây)	Sau Công an huyện	Giáp xã Thới Bình	1.4
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1.2
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1.2

3. HUYỆN U MINH

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
1	Nguyễn Phích	Bờ Bắc rạch Cây Khô	Bờ Nam rạch Làng	1.6
2	nt	Bờ Bắc rạch Làng	Bờ Nam rạch Chùa	1.6
3	nt	Bờ Bắc rạch Chùa	Bờ Nam rạch Cỏ	1.5
4	Đỗ Thừa Luông	Bờ Bắc rạch Cỏ	Bờ Nam Kênh 12	1.4
5	nt	Bờ Bắc kênh 12	Hết ranh đất ông Huỳnh Châu	1.4
6	nt	Hết ranh đất ông Huỳnh Châu	Giáp ranh xã Khánh Thuận	1.6
7	Rạch Làng	Bờ Nam (Đầu kênh)	Kênh Tư (LT2)	1.4
8	nt	Bờ Bắc (Đầu kênh)	Kênh Tư (LT2)	1.5
9	Rạch chùa	Bờ Bắc (Đầu kênh)	Kênh Tư (LT2)	1.4
10	nt	Bờ Nam (Đầu kênh)	Kênh Tư (LT2)	1.5
11	Rạch Cỏ	Rạch Cỏ (Hai bờ Nam, Bắc)	Cuối rạch	1.4
12	Kênh 12	Đầu kênh 12 (Hai bờ Nam, Bắc)	Hết ranh đất ông Bảy Lập (Kênh Giữa)	1.4
13	nt	Hết ranh đất ông Bảy Lập (Bờ Nam)	Kênh Tư (LT2)	1.6
14	Kênh Tư	Bờ bao kênh 12	Bờ bao Kênh 15 (Kênh 16 cũ)	1.2
15	Kênh Giữa	Kênh Giữa (Hai bờ Đông, Tây)	Kênh 15	1.4

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
16	Phía Tây sông Cái Tàu	Ranh Nguyễn Phích	Kênh Hai Chu	1.4
17	Đường 30 tháng 4	Kênh Hai Chu	Hết đất ông Sáu Thuận (Cầu sông Cái Tàu)	1.4
18	nt	Hết ranh đất ông Sáu Thuận	Ngã 3 Chi Cục Thuế	1.3
19	Phía Tây sông Cái Tàu	Bờ Bắc kênh Tràm Soái	Kênh Sáu Nhiễu (Giáp Khánh Thuận)	1.4
20	Kênh Hai Chu	Bờ Nam (Đầu kênh)	Giáp lộ U Minh - Cà Mau	1.4
21	nt	Bờ Bắc (Đầu kênh)	Giáp lộ U Minh - Cà Mau	1.3
22	Kênh Biện Nhị	Bờ Bắc (Đầu kênh)	Hết ranh đất ông An	1.4
23	Kênh Biện Nhị	Hết ranh đất ông An	Kênh 30/4 (Giáp Khánh Lâm)	1.3
24	nt	Bờ Nam (Đầu kênh Công Nông)	Kênh Cây Bàng (Bờ Đông)	1.4
25	nt	Ngã ba Biện Nhị (Bờ Nam)	Cầu Công Nông	1.3
26	Huỳnh Quảng	Bên phải bến xe U Minh, khóm 3, thị trấn U Minh	Phía Tây liên cơ quan, khóm 3, thị trấn U Minh	1.4
27	Lộ xe U Minh - Cà Mau	Ngã 3 Bưu điện	Cầu Hai Chu (Bờ Bắc) (Tên cũ: Cầu Hai Chu (Bờ Nam))	1.5
28	nt	Cầu Hai Chu (Bờ Nam)	Giáp ranh xã Nguyễn Phích	1.0
29	nt	Bờ Tây cầu Công Nông (Kênh Xáng)	Cầu B4	1.3
30	Lộ xe U Minh - Khánh Hội (Hai bờ Nam, Bắc)	Cầu kênh Công Nông	Cống Cây Bàng	1.5

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	***Đến***	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
31	Tuyến lộ bao khóm 1, khóm 3	Cầu B4	Đông Cây Bàng (Giáp Khánh Lâm)	1.5
32	Hai bên Lộ Mới (Đường dẫn cầu Sông Cái Tàu)	Lộ xe U Minh - Cà Mau	Rạch Làng	1.6
33	Hai bên Lộ Mới (Đường dẫn cầu kênh Biện Nhị)	Giáp Cầu kênh Biện Nhị	Giáp ranh Bệnh viên Đa khoa U Minh	1.4
34	Khu dân cư khóm 3	Đường dẫn Cầu Biện Nhị	Bờ Nam Kênh Tràm Soái	1.3
35	Khu hành chính dân cư bờ Tây sông Cái Tàu (Hai bên đường số 1)	Ranh đất ông Khởi	Hết ranh đất ông Hồng Phương	1.4
36	Khu hành chính dân cư bờ Tây sông Cái Tàu (Hai bên đường số 2)	Ranh đất ông Tài	Hết ranh đất ông Hồng Phương	1.4
37	Kinh Chệt Buối (Bờ Bắc)	Đầu kinh Chệt Buối	Kênh 30/4 (Giáp xã Khánh Lâm)	1.4
38	Đỗ Thừa Tự	Ngã 3 Toà án	Ngã 3 liên cơ quan	1.2
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1.4
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1.4

4. HUYỆN TRẦN VĂN THỜI

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
1. Thị trấn Trần Văn Thời				
1	Tuyến lộ dọc sông Ông Đốc	Vàm Trảng Cò	Giáp ranh cơ quan Huyện Đội	1.4
2	nt	Giáp ranh cơ quan Huyện Đội	Hết ranh đất ông Trần Minh Chiến	1.3
3	nt	Hết ranh đất ông Trần Minh Chiến	Cống Rạch Ráng	1.5
4	nt	Cống Rạch Ráng	Hết ranh Bến tàu Rạch Ráng	1.3
5	nt	Hết ranh Bến tàu Rạch Ráng	Hết ranh Hãng nước đá Toàn Phát	1.4
6	nt	Hết ranh Hãng nước đá Toàn Phát	Ranh đất ông Võ Minh Hòa	1.5
7	nt	Ranh đất ông Võ Minh Hòa	Nhà ông Năm Phó (Tên cũ: Vàm ông Bích Nhỏ)	1.2
8	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc	Giáp ranh xã Khánh Bình Đông	Bảng Nội ô thị trấn Trần Văn Thời (Tên cũ: Cách ranh Bệnh viện Đa khoa Trần Văn Thời 1000m)	1.4
9	nt	Bảng Nội ô thị trấn Trần Văn Thời (Tên cũ: Cách ranh Bệnh viện Đa khoa Trần Văn Thời 1000m)	Cách ranh Bệnh viện Đa khoa Trần Văn Thời 500m	1.4
10	nt	Cách ranh Bệnh viện Đa khoa Trần Văn Thời 500m	Hết ranh Bệnh viện Đa khoa Trần Văn Thời (Bờ Bắc)	1.3
11	nt	Cầu Rạch Ráng	Rạch Dừa (Hai bên lộ giao thông)	1.5
12	nt	Rạch Dừa (Hai bên lộ giao thông)	Cầu Trảng Cò	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
13	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc	Cầu Trảng Cò (Trong đê)	Hết ranh TT. Trần Văn Thời	1.2
14	nt	Cầu Trảng Cò (Ngoài đê)	Hết ranh TT. Trần Văn Thời	1.2
15	Bờ Nam Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc	Giáp ranh xã Khánh Bình Đông	Cống Ông Bích Nhỏ	1.2
16	nt	Cống Ông Bích Nhỏ	Hết ranh đất ông Sáu Minh	1.2
17	nt	Hết ranh đất ông Sáu Minh	Đường số 4	1.2
18	nt	Đường số 4	Giáp lộ nhựa Nội ô thị trấn Trần Văn Thời (Tên cũ: Hết ranh đất Công an huyện)	1.4
19	Lộ Ô tô về xã Trần Hợi	Cầu treo dân sinh (Tên cũ: Cống Rạch Ráng)	Cầu Rạch Ráng	1.0
20	nt	Cầu Rạch Ráng	Đập kéo ngăn mặn (Bờ Tây)	1.0
21	nt	Đập kéo ngăn mặn (Bờ Tây)	Ngã ba Đồn Còi (Cầu EC)	1.2
22	nt	Ngã ba Đồn Còi (Cầu EC)	Hết ranh Thị trấn Trần Văn Thời (Bờ Tây)	1.2
23	Lộ Ô tô về Ngã ba Đồn Còi	Cống Rạch Ráng	Hết ranh trường PTTH Trần Văn Thời (2 bên)	1.3
24	nt	Hết ranh Trường PTTH Trần Văn Thời	Đập kéo ngăn mặn	1.2
25	nt	Đập kéo ngăn mặn (Bờ đông)	Hết ranh đất ông Trịnh Bình Thuận	1.2
26	nt	Hết ranh đất ông Trịnh Bình Thuận	Cầu Trung Ương Đoàn	1.2
27	Các tuyến lộ trong nội ô thị trấn	Cầu Dân Sinh	Ngã tư Bưu Điện	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
28	Đường số 14 (Tên cũ: Các tuyến lộ trong nội ô thị trấn)	Đài Truyền Thanh huyện (Hướng Tây) (Tên cũ: Đài Truyền Thanh huyện)	Hết ranh trường cấp II (Tên cũ: Hết ranh trường cấp II (Hướng Tây))	1.4
29	*Các đoạn tuyến lộ trong khu dân cư hành chính	Đường số 1 (2 bên) (Khu dân cư Hành chính)	Hết đường số 1	1.3
30	nt	Đường số 2 (2 bên) (Khu dân cư Hành chính)	Hết đường số 2	1.2
31	nt	Đường số 3 (2 bên) (Khu dân cư Hành chính)	Hết đường số 3	1.2
32	nt	Đường số 5 (Cầu xi măng phòng Kinh tế cũ)	Kênh đê lộ quy hoạch	1.5
33	nt	Đường số 6 (2 bên) (Khu dân cư Hành chính)	Hết đường số 6	1.0
34	nt	Đường số 7 (Ranh đất ông Hoàng)	Hết ranh đất ông Tuấn (Giáp kênh đê 2 bên)	1.2
35	nt	Đường số 8 (2 bên) (Khu dân cư Hành chính)	Tiếp giáp đường số 1	1.2
36	Các tuyến lộ trong nội ô thị trấn	Đường số 4 (2 bên) (Tên cũ: Đường số 4)	Đầu đường số 6 (Nhà bà bảy Hoa) (Tên cũ: Hết đường số 4 (Nhà bà bảy Hoa))	1.5
37	nt	Đầu đường số 6 (Nhà bà bảy Hoa) (Tên cũ: Hết đường số 4 (Nhà bà bảy Hoa))	Hết đường số 6 (Nhà ông tư Tia) (Tên cũ: Cầu Xi Măng ông Năm Bảo)	1.8
38	nt	Đường số 1 (Nhà ông Chính bán tạp hoá) (Tên cũ: Đường số 1)	Đường số 2	1.2
39	nt	Đường số 2	Hết ranh đất ông Mười Dũng (Hướng Đông)	1.0
40	nt	Hết ranh đất ông Mười Dũng	Hướng Đông 500m	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
41	Các tuyến lộ trong nội ô thị trấn	Mốc 500m (Hướng Đông)	Rạch ông Bích nhỏ	1.2
42	nt	Đường số 3 (2 bên) nhà ông Huấn (Tên cũ: Đường số 3 [2])	Tiếp giáp đường số 1 (Tên cũ: Tiếp giáp đường số 1 [2])	1.0
43	nt	Đường số 02 (Vòng quanh)	Đường bến tàu Rạch Ráng (Ranh đất ông Mười Dũng)	1.0
44	nt	Khu dân cư (Cô Ba Dân) thuộc dự án khu thương nghiệp (Chưa có cở sở hạ tầng)		1.2
45	nt	Các tuyến đường khu dân cư hành chính mở rộng (Chưa có cơ sở hạ tầng)		1.2
46	nt	Tuyến lộ Công an huyện giáp Viện Kiểm Sát (Tên cũ: Tuyến lộ giáp Công an huyện nhà ông Tư Quynh)	Ranh đất nhà ông Trần Quốc (Tên cũ: Hết ranh đất ông Phan Quốc Hội)	1.2
47	nt	Ranh đất ông Xuyên (2 bên)	Giáp hàng rào Huyện ủy	1.2
48	nt	Ranh đất bà Bảy Hoa	Giáp hàng rào Huyện ủy	1.2
49	Các tuyến lộ bê tông còn lại có chiều ngang từ 1,0 -1,5m			1.2
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1.2
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1.2
2. Thị trấn Sông Đốc				
50	Bờ Bắc Sông Đốc	Trạm kiểm soát Biên Phòng 692 khóm 1	Hết ranh đất Xí nghiệp sửa chữa tàu khóm 1	1.2
51	nt	Đất Khu xăng dầu Năm Châu khóm 1	Hết ranh đất bà Phạm Thị Nhân khóm 1	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
52	Bờ Bắc Sông Đốc	Đất Hãng nước đá Đồn biên phòng 692 khóm 1	Hết ranh đất Trường Tiểu học 4 khóm	1.2
53	nt	Đất Chi nhánh Bảo hiểm khóm 1	Hết ranh đất Chùa Bà K1	1.2
54	nt	Ranh đất bà Trần Thị Thủy khóm 1	Hết ranh đất ông Nguyễn Quang Tiệp khóm 1	1.2
55	nt	Ranh đất bà Tạ Thị Liếu khóm 2	Hết ranh đất ông Đoàn Thanh Quang khóm 2	1.2
56	nt	Ranh đất ông Huỳnh Văn Hồng khóm 2	Đầu Voi Rạch Băng Ky	1.2
57	Bờ Tây dọc theo kênh Xẽo Đôi (2 bên)	Ranh đất ông Chu Anh Thiện khóm 1	Hết ranh Trường Mẫu giáo 19/5 khóm 1	1.2
58	nt	Hẻm chùa Bà Thiên Hậu khóm 1	Hết ranh đất ông Lê Bá Trường khóm 1	1.2
59	nt	Ao cá Hội nông dân khóm 1	Hết ranh đất ông Lê Văn Bắc khóm 1	1.2
60	nt	Hẻm nhà ông Phan Công Nghĩa khóm 1	Hết ranh đất ông Lê Văn Trước khóm 1	1.2
61	nt	Hẻm nhà bà Lê Thanh Xuân khóm 1	Hẻm nhà ông Trần Văn Thơ khóm 1	1.2
62	nt	Ranh đất ông Liêu Văn An khóm 1	Hết ranh đất ông Võ Văn Thăng khóm 1	1.2
63	Bờ Đông dọc theo kênh Xẽo Đôi (2 bên)	Ranh đất bà Đỗ Thị Lan khóm 2	Lăng Ông Nam Hải khóm 2	1.2
64	nt	Ranh đất bà Lê Minh Nguyệt khóm 2	Hết ranh dãy Kiốt ông Huỳnh Thanh Bình khóm 2	1.2
65	nt	Đất Trường THCS Sông Đốc II	Hết ranh đất ông Nguyễn Thanh Liêm khóm 2	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
66	Bờ Đông dọc theo kênh Xẻo Đôi (2 bên)	Hẻm nhà ông Cao Thanh Xuyên khóm 2	Hẻm nhà ông Tống Hoàng Ân khóm 2	1.2
67	nt	Hẻm nhà ông Nguyễn Minh Hoàng khóm 2	Hẻm nhà ông Nguyễn Văn Hùng khóm 2	1.2
68	nt	Hẻm nhà ông Huỳnh Thanh Bình khóm 2	Hẻm nhà ông Võ Văn Việt khóm 2	1.2
69	nt	Hẻm nhà ông Đỗ Văn Vĩnh khóm 2	Hết ranh đất ông Phạm Việt Hùng khóm 2	1.2
70	nt	Hẻm nhà ông Từ Hữu Dũng khóm 2	Hết ranh đất ông Huỳnh Thành khóm 2	1.2
71	nt	Hẻm nhà ông Nguyễn Hữu Trí khóm 2	Hẻm nhà ông Trần Minh Quân khóm 2	1.2
72	nt	Hẻm nhà ông Trần Văn Khôi khóm 2	Hẻm nhà ông Huỳnh Ngọc Bình khóm 2	1.2
73	nt	Hẻm nhà ông Nguyễn Văn Tình khóm 2	Hẻm nhà bà Dương Thị Xa khóm 2	1.2
74	nt	Hẻm nhà ông Nguyễn Văn Hiền khóm 2	Hết ranh đất bà Lê Thị Thơ khóm 2	1.2
75	nt	Hẻm nhà ông Lê Văn Thắng khóm 2	Hết ranh đất bà Thắm khóm 2	1.2
76	nt	Ranh đất ông Phạm Thanh Hùng khóm 2	Hết ranh đất ông Đoàn Văn Lượm khóm 2	1.2
77	nt	Hẻm nhà bà Lê Thị Phi khóm 2	Hết ranh đất ông Phạm Văn Thống khóm 2	1.2
78	nt	Cầu bê tông kênh Kiểm Lâm khóm 1	Hết ranh đất ông Lê Thanh Tùng khóm 3	1.2
79	nt	Cống rạch Băng Ky khóm 3	Ranh đất trụ sở UBND thị trấn Sông Đốc	1.2
80	nt	Hẻm nhà ông Trần Văn Nhị khóm 3	Hết ranh đất bà Dương Tuyết Phượng khóm 3	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
81	Bờ Đông dọc theo kênh Xẻo Đôi (2 bên)	Hẻm nhà ông Nguyễn Văn Tân khóm 3	Hết ranh đất ông Dương Văn Thế khóm 3	1.2
82	nt	Hẻm nhà ông Phạm Văn Thùy khóm 3 (2 bên)	Hết ranh đất ông Lê Văn Khánh khóm 3	1.2
83	nt	Hẻm nhà ông Lê Hữu Năm khóm 3	Hết ranh đất Chi nhánh cấp nước khóm 8	1.2
84	nt	Trụ sở UBND thị trấn Sông Đốc	Hết ranh đất bà Võ Thị Hà khóm 7	1.2
85	nt	Ranh đất ông Lê Việt Hùng khóm 7 (2 bên)	Hết ranh đất ông Phạm Hoàng Dũng khóm 7	1.2
86	nt	Ranh đất ông Lữ Thanh Vũ khóm 7	Hết ranh đất ông Trần Văn Giàu khóm 7	1.2
87	nt	Hẻm nhà ông Phạm Thạnh Bình khóm 7	Hết ranh đất ông Trần Quốc Việt khóm 7	1.2
88	nt	Ranh đất ông Đặng Văn Đang khóm 7	Hết ranh đất ông Trần Minh Hoàng khóm 7	1.2
89	nt	Hãng nước đá Quốc Dũng khóm 7	Hết ranh đất cây xăng dầu Khánh Duy khóm 7	1.2
90	nt	Hết ranh đất cây xăng dầu Khánh Duy khóm 7	Hết ranh Hải Đội 2 khóm 7	1.2
91	nt	Ranh đất ông Cao Văn Bình khóm 7	Hết ranh đất ông Phạm Minh Quang khóm 7	1.2
92	nt	Ranh đất ông Phù Văn Chính khóm 7	Hết ranh đất ông Lữ Thanh Vũ khóm 7	1.2
93	nt	Ranh đất bà Nguyễn Thị Ái khóm 7	Kênh xáng Nông trường khóm 7	1.2
94	nt	Ranh đất Xí nghiệp CBTS Sông Đốc	Phạm Thanh Diệu (khóm 7) (tên cũ: Kênh xáng Nông trường khóm 7)	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
95	Bờ Đông dọc theo kênh Xẻo Đôi (2 bên)	Hẻm nhà bà Trần Hồng Lạc khóm 8	Hết ranh đất bà Trần Thị Lan khóm 8	1.2
96	nt	Hẻm nhà ông Trần Văn Thương khóm 8	Hết ranh đất bà Lê Ánh Xuân khóm 8	1.2
97	nt	Ranh đất ông Huỳnh Văn Bồ khóm 8	Hết ranh đất ông Lâm Chí Lâm khóm 8	1.2
98	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Dũng khóm 8 (2 bên)	Hết ranh đất ông Phùng Thanh Vân khóm 8	1.2
99	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Chiến khóm 8	Hết ranh đất ông Hiên Khóm 8	1.2
100	nt	Kênh ông Trần Ngọc Lan, Khóm 8.	Về hướng Bắc: 250m	1.2
101	nt	Kênh xáng Nông Trường bờ Nam (Ranh đất ông Phạm Văn Nam)	Hết ranh đất Bà Phạm Thị Lê	1.4
102	nt	Kênh xáng Nông Trường bờ Bắc (Ranh đất ông Trần Văn Dũng) (Tên cũ: Kênh xáng Nông Trường bờ Bắc (Ranh đất ông Trần Văn Dũng))	Hết ranh đất ông Phạm Văn Thành (khóm 8) (Tên cũ: Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Trọng)	1.2
103	nt	Ranh đất ông Việt	Về hướng Bắc: 250 m	1.2
104	nt	Ranh đất ông Trần Văn Thao khóm 8	Kênh xáng Nông trường khóm 8	1.2
105	nt	Hẻm nhà bà Lã Mai Thùy khóm 8 (2 bên)	Kênh xáng Nông trường khóm 8	1.2
106	nt	Hẻm nhà ông Huỳnh Thanh Tuấn khóm 8 (2 bên)	Kênh xáng Nông trường khóm 8	1.2
107	nt	Hẻm nhà ông Trần Hương Giang khóm 8 (2 bên)	Kênh xáng Nông trường khóm 8	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
108	Bờ Đông dọc theo kênh Xẻo Đôi (2 bên)	Hẻm nhà ông Đặng Văn Vinh khóm 8	Kênh xáng Nông trường khóm 8	1.2
109	nt	Kênh Cầu Dừa khóm 8	Về hướng Bắc 250m	1.2
110	nt	Ranh đất ông Kiều Minh Thành khóm 10	Lộ Trung tâm bờ Bắc Sông Đốc	1.2
111	nt	Ranh đất ông Trần Văn Khắp khóm 10	Hết đất ông Phạm Văn Uyên khóm 10 (Tên cũ: Hết ranh đất ông Hùng khóm 10)	1.2
112	nt	Đất ông Trần Ngọc Minh, khóm 10 (hai bên bờ kênh xáng nông trường) (Tên cũ: Ranh đất ông Trần Ngọc Minh khóm 10 (2 bên))	Giáp kênh Phủ Lý (khóm 12) (Tên cũ: Kênh Cựa Gà, khóm 12)	1.4
113	nt	Hẻm nhà Ông Trần Văn Việt khóm 10 (2 bên)	Lộ trung tâm bờ Bắc Sông Đốc	1.2
114	nt	Ranh đất bà Vũ Thị Huyền khóm 10	Hết ranh đất Phan Thị Giáp khóm 10	1.2
115	nt	Kênh xã Thuần khóm 10	Về hướng Bắc: 250m	1.2
116	nt	Kênh Nhiêu Đáo khóm 11	Về hướng Bắc: 250m	1.2
117	nt	Kênh Phủ Lý khóm 12	Về hướng Bắc: 250m	1.2
118	nt	Kênh Cựa Gà khóm 12	Về hướng Bắc: 250m	1.2
119	Lộ Rạch Ráng - Sông Đốc (2 Bên)	Bến đò kênh Rạch Ruộng khóm 10.	Cống Xã Thuần	1.4
120	nt	Cống Xã Thuần	Kênh Nhiêu Đáo	1.2
121	nt	Kênh Nhiêu Đáo	Kênh Phủ Lý	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
122	Lộ Rạch Ráng - Sông Đốc (2 Bên)	Kênh Phủ Lý khóm 12 (Tên cũ: Kênh Phủ Lý)	Kênh ranh xã Khánh Hải	1.2
123	Bờ Nam Sông ông Đốc (Tên cũ: Bờ Nam Sông Đốc)	Kênh Bảy Thanh khóm 5	Hãng nước đá Hiệp Thành khóm 5	1.2
124	nt	Đất ông Trần Thanh Liêm khóm 5	Kênh Rạch Vinh khóm 5	1.4
125	nt	Hãng nước đá Hiệp Thành khóm 5	Kênh Rạch Vinh khóm 5	1.2
126	nt	Công ty KTDV Sông Đốc khóm 4	Đầu vàm kênh Thầy Tư khóm 4	1.2
127	nt	Kênh Xáng Cùng khóm 6	Đê Trung Ương biển Tây khóm 6	1.2
128	nt	Kênh Rạch Vinh khóm 4	Cầu kênh Thầy Tư khóm 4	1.2
129	nt	Cầu kênh Thầy Tư khóm 4 (Tuyến lộ)	Kênh Xáng cùng khóm 4	1.2
130	nt	Kênh Rạch Vinh bờ Đông (Ranh đất ông Đặng Văn Đông)	Đê Tả khóm 5	1.2
131	nt	Miếu (Bờ Tây kênh Rạch Vinh)	Đê Tả khóm 4	1.2
132	nt	Cầu kênh Thầy Tư (Bờ Tây) khóm 4	Đê Tả khóm 4	1.2
133	Bờ Nam Sông ông Đốc (Tên cũ: Bờ Nam Sông Đốc)	Cầu kênh Thầy Tư (Bờ Đông) khóm 4	Đê Tả khóm 4	1.2
134	nt	Cầu kênh Xáng cùng khóm 6 (2 bờ Đông, Tây)	Đê Tả khóm 6	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
135	nt	Kênh xáng Mới, ranh đất bà Lý Kim Tiền (Bờ Đông)	Đê Tả khóm 6	1.2
136	nt	Kênh Xáng Mới, ranh đất ông Trần Văn Lên (Bờ Tây)	Đê Tả khóm 6	1.2
137	nt	Cầu kênh Xẻo Quao khóm 6 (2 bờ Đông, Tây)	Đê Tả khóm 6	1.2
138	nt	Ranh đất bà Lê Thị Tươi khóm 6	Hết ranh đất ông Nguyễn Hữu Phước	1.2
139	nt	Ranh đất bà Trần Ánh Nguyệt khóm 6	Hết ranh đất bà Phạm Thị Thủy khóm 6	1.2
140	nt	Ranh đất ông Quách Hải Sơn (Thửa 65, tờ 36) khóm 6	Hết ranh đất ông Hà Việt Hoa	1.2
141	nt	Ranh đất ông Trịnh Thị Trang khóm 6	Hết ranh đất ông Lại Văn Giàu (2 bên) khóm 6	1.2
142	nt	Ranh đất ông Nguyễn Thanh Hùng, Khóm 6.	Hết ranh đất bà Lê Ánh Xuân (2 bên) khóm 6	1.2
143	nt	Hẻm nhà ông Châu Ngọc Sỹ khóm 6	Hết ranh đất ông Hải	1.2
144	nt	Ranh đất ông Phan Văn Hùng khóm 6	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Mây khóm 6	1.2
145	Bờ Nam Sông ông Đốc (Tên cũ: Bờ Nam Sông Đốc)	Ranh đất ông Nguyễn Thanh Dũng khóm 6	Hết ranh đất ông Hồ Văn Vàng khóm 6	1.2
146	nt	Khu dân cư Xẻo Quao khóm 6 (Khu A)		1.2
147	nt	Ranh đất ông Lê Chí Nguyện khóm 7	Hết ranh đất bà Phạm Thị Lắm	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
148	Các tuyến lộ Bê tông trong thị trấn từ 1m - 1,5m			1.2
149	Hẻm	Ranh đất ông Huỳnh Ngọc Phương	Hết ranh đất ông Nguyễn Ngọc Sinh	1.2
150	Tuyến đường cầu Rạch Ruộng nhỏ	Trụ sở UBND thị trấn (khóm 7)	Lộ nhựa Rạch Ráng - Sông Đốc (khóm 10)	1.2
151	Hẻm	Ranh đất nhà bà Lê Chúc Mừng khóm 7	Hết ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Lang khóm 7	1.2
152	nt	Ranh đất nhà bà Lê Thị Kiều khóm 7	Hết ranh đất nhà ông Lê Văn Chờ khóm 7	1.2
153	nt	Ranh đất nhà ông Nguyễn Ngọc Chọn khóm 8	Hết ranh đất Nguyễn Thị Hoa khóm 8	1.2
154	nt	Ranh đất nhà Vũ Ngọc Anh khóm 8	Hết ranh đất Mai Thị Hiền khóm 8	1.2
155	nt	Ranh đất nhà Phạm Thị Phương khóm 8	Hết ranh đất Hoàng Thị Rộng khóm 8	1.2
156	nt	Ranh đất nhà Phạm Văn Thái khóm 8	Hết ranh đất Phạm Văn Toại khóm 8	1.2
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1.2
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1.2

5. HUYỆN CÁI NƯỚC

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
1	Đường 19 - 5	Nghĩa trang (Mé sông Lộ Xe cũ)	Giáp ranh Bệnh viện	1.1
2	nt	Giáp ranh Bệnh viện	Hết ranh Ban Chỉ huy Quân sự huyện (Tên cũ: Hết ranh Huyện Đội)	1.2
3	nt	Hết ranh Ban Chỉ huy Quân sự huyện (Tên cũ: Hết ranh Huyện Đội)	Đầu lộ Phú Mỹ	1.2
4	Đối diện đường 19 - 5 (Tên cũ: Đường 19 - 5)	Đối diện hết ranh Nghĩa trang	Cầu Tài chính (Tên cũ: Cầu lộ Goòn)	1.0
5	Đường Hồ Thị Kỷ (Tên cũ: Đường 19 - 5)	Cầu Tài chính (Tên cũ: Cầu lộ Goòn)	Doi Văn hóa (Bia tưởng niệm)	1.0
6	Khu Kiôt	Khu Kiôt (Dãy nhà ông Hội)	Hết khu Kiôt	1.0
7	nt	Khu Kiôt (Chưa xây, sau nhà lồng chợ)	Hết khu Kiôt	1.0
8	Đường 30 - 4	Lộ Tân Duyệt (Tên cũ: Lô 2A, 2B, 2C, 2D (Nhà ông Ba Liên))	Hẻm số 2 (Tên cũ: Hẻm số 2 (Hết ranh đất nhà ông Trần Văn Mực))	1.0
9	nt	Hẻm số 2 (Tên cũ: Lô 7A (Hẻm số 2 Bình Minh))	Cầu Văn hóa	1.2
10	nt	Cầu Văn Hoá (Tên cũ: Từ Lô 7C (Cầu Văn Hóa))	Cầu Cây Hương (Tên cũ: Cầu Cây Hương Mới)	1.0
11	Đường 3 - 2	Đường 1-5 (Tên cũ: Lô 3A (Dãy Quản lý thị trường))	Đường 2-9 (Tên cũ: Hết lô)	1.1
12	nt	Đường 2-9 (Tên cũ: Lô 4D, 4E (Dãy nhà ông Hùng, ông Thuấn))	Đường 30-4 (Tên cũ: Hết 2 lô)	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
13	Đường 2 - 9	Lộ Tân Duyệt (Tên cũ: Lô 6C, 6D, 6E, 6I (Nhà ông Tặng, ông Hiền))	Hẻm số 2 (Tên cũ: Hết 4 lô)	1.2
14	nt	Hẻm số 2 (Tên cũ: Lô 7B2 (nhà Ông Lừng))	Nhà ông Út Anh (Tên cũ: Cầu Cây Hương Mới)	1.2
15	nt	Nhà ông Chiến (Tên cũ: Lô 7A1, 7A2 (Nhà Ông 10 Quang))	Đường 30-4 (Tên cũ: Hết 2 lô (Hết nhà ông Chiến))	1.2
16	Đường 2-9 (nối dài) (Tên cũ: Đường 2-9)	Nhà ông Chiến (Tên cũ: Cầu Cây Hương Mới)	Cầu Cây Hương (Tên cũ: Từ lô 7B3 (Nhà Ông Sang))	1.0
17	Đường 1 - 5	Lộ Tân Duyệt (Tên cũ: Lô 6F, 6G (Dãy nhà ông Minh, đối diện))	Đường 3-2 (Tên cũ: Hết 2 lô)	1.2
18	nt	Đường 3-2 (Tên cũ: Lô 3B (Dãy nhà Út Em))	Đường 2-9 (Tên cũ: Hết lô)	1.0
19	nt	Đường 2-9 (Tên cũ: Lô 4F, 4G (Dãy nhà bà Ánh, 6 Luôn))	Đường 30-4 (Tên cũ: Hết 2 lô)	1.2
20	Đường Phan Ngọc Hiển (Tên cũ: Phan Ngọc Hiển)	Hết đất ông 10 Ơn (Tên cũ: Lô 1A, 1B, 1D)	Lộ Tân Duyệt (Tên cũ: Hết 3 lô)	1.2
21	nt	Lộ Tân Duyệt (Tên cũ: Khối Vận)	Hết ranh đất Trung tâm Bồi dưỡng Chính Trị (Tên cũ: Hết ranh đất Trung tâm Bồi dưỡng Chính Trị (Trường Đảng cũ))	1.2
22	nt	Hết ranh đất Trung tâm Bồi dưỡng Chính Trị (Tên cũ: Hết ranh đất Trung tâm Bồi dưỡng Chính Trị (Trường Đảng cũ))	Hết ranh đất ông Phan Văn chiến (Tên cũ: Đối diện đầu lộ Phú Mỹ)	1.0
23	Hẻm số 1	Đường 30-4 (Tên cũ: Lô 6B)	Đường 2-9 (Tên cũ: Hết lô)	1.2
24	Hẻm số 1	Đường 2-9 (Tên cũ: Lô 4B, 4C)	Đường 1-5 (Tên cũ: Hết 2 lô)	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
	(2)	*(3)*	*(4)*	*(5)*
25	Hẻm số 2	Đường 30-4	Đường 2-9	1.0
26	Hẻm số 3	Đường 1-5 (Tên cũ: Lô 7C1 (Tính cả hai bên sau hậu bến tàu))	Cuối Hẻm số 3 (Tên cũ: Hết lô)	1.2
27	nt	Cuối hẻm số 3 (Vòng qua đất ông Út Âu) (Tên cũ: Cuối hẻm (Vòng qua đất Út Âu))	Cầu Cây Hương (Tên cũ: Cầu Cây Hương Mới)	1.2
28	nt	Cuối Hẻm số 3	Đường 2-9	1.0
29	Lộ Tân Duyệt (Tên cũ: Lộ Cái Nước -Tân Duyệt)	Quốc lộ 1A	Đường 19-5	1.2
30	nt	Đường 30-4 (Tên cũ Lô 4A (Giáp nhà 3 Liên))	Đường 2/9	1.2
31	nt	Đường 2-9 (Tên cũ Lô 6A (Đường 2/9)	Đường 1/5	1.2
32	nt	Đường 1-5 (Tên cũ Lô 6H (Đường 1/5)	Đập Cây Hương	1.2
33	nt	Đập Cây Hương	Đường Vành Đai	1.2
34	nt	Đường Vành Đai	Đập Ông Phụng	1.2
35	Khu đất tiếp giáp lộ Tân Duyệt (Tên cũ: Lộ Cái Nước -Tân Duyệt)	Lộ Tân Duyệt (đất ông Trần Nam) (Tên cũ: Lô: 1A', 1B', 1C)	Đường 3-2 (đất ông Ngô Văn Tuyến) (Tên cũ: Hết 3 lô)	1.2
36	Đối diện lộ Tân Duyệt (Tên cũ: Đối diện lộ Cái Nước - Tân Duyệt)	Đường Phan Ngọc Hiển (Tên cũ: Cầu Lương Thực)	Đường 2-9	1.3
37	nt	Đường 2/9	Đường 1/5	1.0
38	nt	Đường 1/5	Đập Cây Hương	1.0

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
39	nt	Đập Cây Hương	Đường Vành Đai	1.0
40	nt	Đường Vành Đai	Đập Ông Phụng	1.0
41	Lộ Goòn	Đầu kinh Láng Tượng	Quốc lộ 1A	1.2
42	Đường Cách Mạng tháng 8	Quốc Lộ 1A (Phía Nam: Tòa án)	Đường 19/5	1.2
43	nt	Quốc Lộ 1A (Phía Bắc: Bệnh viện)	Đường 19/5	1.0
44	Đường Vành Đai	Cầu Tài chính (Tên cũ: Cầu Lộ Gòon)	Cầu Vành Đai	1.2
45	nt	Cầu Vành Đai	Lộ Tân Duyệt (Tên cũ: Lộ Cái Nước - Tân Duyệt)	1.0
46	Đối diện đường Vành Đai	Cầu Tài chính (Tên cũ: Cầu Lộ Gòon)	Cầu Lộ Hãn (Tên cũ: Cầu Vành Đai)	1.2
47	nt	Cầu Vành Đai	Lộ Tân Duyệt (Tên cũ: Lộ Cái Nước - Tân Duyệt)	1.0
48	Hai bên bờ sông Cái Nước	Hai bên bờ sông từ Đền thờ Bác (Tên cũ: Hai bên bờ sông từ Phủ thờ Bác)	Đầu kênh Sư Thông	1.2
49	nt	Đầu kênh Sư Thông	Đầu kênh Láng Tượng	1.0
50	Khu dân cư Cây Hương	Khu dân cư Cây Hương	Hết khu dân cư Cây Hương	1.0
51	Khu dân cư Lương Thực (Tên cũ: Khu Lương Thực cũ)	Khu dân cư Lương Thự (Tên cũ: Lô 8C4, 8C5, 8C6 (Ranh đất ông Huynh, ông Cách))	Hết ranh khu dân cư Lương Thực (Tên cũ: Hết 3 lô)	1.0
52	Đường Võ Thị Sáu (Tên cũ: Khu Văn hóa)	Tượng đài Khu văn hóa (Bia Tưởng niệm)	Hết ranh Trường Nguyễn Mai	1.0

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
53	nt	Hết ranh Trường Nguyễn Mai	Hết ranh lò giết mổ	1.2
54	nt	Hết ranh lò giết mổ	Cầu Vành Đai	1.2
55	Lộ Cái Nước -Phú Tân	Quốc lộ 1A	Đầu kênh Sư Thông	1.2
56	nt	Đầu kênh Sư Thông	Đập Cây Dương	1.0
57	Quốc lộ 1A theo hướng Cà Mau đi Năm Căn	Ranh Nghĩa trang	Ranh Nhà hàng Cẩm Tiên	1.2
58	nt	Ranh Nhà hàng Cẩm Tiên	Hết ranh cây xăng Kim Minh	1.2
59	nt	Hết ranh cây xăng Kim Minh	Hết ranh xí nghiệp gạch cũ	1.1
60	nt	Hết ranh xí nghiệp gạch cũ	Giáp ranh xã Trần Thới	1.2
61	Khu tập thể bệnh viện (tiếp giáp Đường 1-5, đoạn số 01) (Tên cũ: Khu tập thể bệnh viện)			1.2
62	Khu dân cư Tân Duyệt (Tiếp giáp lộ Tân Duyệt, đoạn số 34)			1.0
63	Lộ bê tông (Tên cũ: Lộ bê tông (Thị trấn Cái Nước))	Lộ Tân Duyệt (Tên cũ: Giáp ranh trạm y tế)	Giáp ranh khu dân cư Cây Hương	1.2
64	nt	Lộ Tân Duyệt (Tên cũ: Hãng nước đá 6 Bình)	Cầu 5 Bương	1.2
65	Thị trấn Cái Nước	Các đoạn tuyến lộ bê tông còn lại từ 1,5m đến 2m		1.0
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1.0
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1.0

6. HUYỆN PHÚ TÂN

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
1	Nguyễn Việt Khái	Đầu cầu Kiểm Lâm cũ	Hết trường tiểu học Cái Đôi Vàm I	1.6
2	nt	Hết trường tiểu học Cái Đôi Vàm I	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Tấn	1.5
3	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Tấn	Hết ranh đất ông Võ Thanh Dũng	1.6
4	nt	Hết ranh đất ông Võ Thanh Dũng	Hết ranh đất ông Nguyễn Thành Trung	1.5
5	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Thành Trung	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Hờ	1.4
6	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Hờ	Hết ranh đất ông Lê Hoàng Nam	1.5
7	nt	Hết ranh đất ông Lê Hoàng Nam	Cách mạng tháng 8	1.5
8	nt	Cách mạng tháng 8	Cầu kênh Làng Cá	1.4
9	nt	Cầu kênh Làng Cá	Hết ranh hãng nước đá Tấn Đạt	1.6
10	nt	Hết ranh hãng nước đá Tấn Đạt	Hết đất Đồn Biên Phòng Cái Đôi Vàm	1.5
11	nt	Giáp đất Đồn Biên Phòng Cái Đôi Vàm	Cầu Cơi 5	1.6
12	nt	Cầu Cơi 5	Hạt Kiểm Lâm	1.5
13	nt	Ranh đất hạt Kiểm Lâm	Rạch Cái Đôi Nhỏ	1.5
14	Hẻm Nhà Lồng Chợ	Ranh đất ông Luân Giúp	Hết ranh đất Hứa Thị Kim Yến	1.6
15	Hẻm	Hẻm trường Tiểu học I (Ranh đất ông Thành)	Giáp tuyến lộ bờ Tây kênh Kiểm Lâm	1.5

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
16	Hẻm	Ranh đất ông Nguyễn Văn Liêm	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Xê	1.5
17	Tuyến lộ bờ Tây kênh Kiểm Lâm	Cách đầu cầu Kiểm lâm cũ phía Tây: 30m	Cách đầu cầu Kiểm lâm mới: 30m	1.5
18	Lộ Công an	Hẻm Đông y (Lộ Công an)	Trường Mẫu giáo phía sau	1.5
19	Lộ Công an	Trường mẫu giáo phía sau (2 bên)	Lộ bờ Tây kênh Kiểm Lâm	1.5
20	Lộ Công an	Hẻm Đông y (Lộ Công an)	Trụ sở Viện Kiểm Sát cũ	1.6
21	Khu Hành chính tạm (Khóm 1)			1.5
22	Kẻm Khu chữ U	Ranh đất ông Đô Lil	Cầu Cơi 5	1.5
23	Hẻm vào trường Lê Hồng Phong	Trụ sở Văn hóa khóm 4 (2 bên)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Mĩnh	1.5
24	Cầu Làng Cá - Đồn Biên phòng Cái Đôi vàm	Cầu dự án (Kênh Làng Cá) (2 bên)	Đồn Biên phòng Cái Đôi vàm (Phía sau)	1.5
25	Khu tiểu thủ công nghiệp			1.5
26	Trần Văn Thời	Đầu kênh Bảy Sử	Đầu Kênh Lô 2	1.5
27	Đầu kênh Bảy Sử - Cây ăng teng (Đê Tây)	Đầu kênh Bảy Sử	Cây ăng teng (Đê Tây)	1.5
28	Cây ăng teng (Đê Tây) - Đầu kênh Lô 2	Cây ăng teng (Đê Tây)	Cầu dự án lô 2	1.5
29	Hẻm	Lộ hẻm Khóm 5	Cầu đê Tây	1.6
30	Trần Văn Thời	Đầu Kênh Lô 2	Đầu Kênh Lô 1	1.5

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
31	Lộ dọc sông Cái Đôi Vàm	Đầu Kênh Lô 1	Hết đất ông Huỳnh Phước Thiện	1.5
32	Dọc sông Cái Đôi Vàm	Ranh đất ông Huỳnh Phước Thiện	Hết ranh đất ông Trịnh Minh Hiện	1.5
33	Kênh Lô 1	Đầu Kênh Lô 1 (Phía Tây)	Hết đất ông Tám Biểu	1.5
34	Kênh Lô 2	Đầu lộ Lô 2 (Phía Đông) (Đầu Kênh Lô 2)	Kênh Tập đoàn 34	1.5
35	Kênh lô 2	Kênh Tập đoàn 34	Cầu dự án lô 2	1.5
36	nt	Cầu dự án lô 2	Hết ranh đất ông Ba Nữa	1.5
37	Cách Mạng tháng Tám	Ranh đất ông Ững A Chiến (Phía sau)	Đường Phan Ngọc Hiển	1.6
38	Phan Ngọc Hiển	Cầu dự án	Hết ranh nhà hàng Hồng Nhiên	1.6
39	nt	Hết ranh nhà hàng Hồng Nhiên	Đầu cầu Kiểm Lâm mới	1.5
40	nt	Đầu cầu Kiểm Lâm mới	Kênh Năm Nhung	1.5
41	nt	Kênh Năm Nhung	Đầu lộ chùa Nguyệt Cảnh	1.5
42	nt	Đầu lộ chùa Nguyệt Cảnh	Đầu cầu Kênh 90	1.5
43	Tuyến kênh Kiểm Lâm	Đầu cầu Kiêm lâm cũ (Phía Đông)	Đầu cầu Kiểm Lâm mới (Phía Đông)	1.5
44	Lộ dọc sông Cái Đôi vàm	Cầu Kiểm Lâm cũ	Hết ranh đất ông Hồng Văn Nghi	1.5
45	nt	Hết ranh đất ông Hồng Văn Nghi	Đầu Kênh 90	1.5
46	Kênh Năm Nhung	Giáp sông Cái Đôi Vàm	Phan Ngọc Hiển	1.5

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
47	Tuyến kênh Kiểm lâm (Phía Tây)	Cách đường Phan Ngọc Hiển 30m	Rạch Cái Đôi Nhỏ	1.5
48	Khu Công ty Cadovimex	Tiệm chụp hình Dũng	Trụ sở khóm II	1.5
49	nt	Cầu Dự án (Phía Đông)	Cầu Cái Đôi Nhỏ	1.5
50	nt	Tuyến sau Công ty CaDovimex	Kênh Làng Cá	1.5
51	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Dũng	Hết ranh đất bà Huỳnh Thu Nguyệt	1.5
52	nt	Ranh đất ông Danh Hồng Vĩnh (2 bên)	Cầu cống sau Công ty CaDovimex	1.5
53	nt	Cầu Dự án (Phía Tây)	Cầu Cái Đôi Nhỏ	1.5
54	Hẻm	Cầu Làng Cá	Cầu Dự án	1.5
55	Khu hành chính huyện mới	Khu hành chính thuộc ấp Cái Đôi Vàm		1.5
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1.3
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1.3

7. HUYỆN ĐẦM DƠI

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
1	Dương Thị Cẩm Vân	Cầu Cây Dương	Ngô Bình An	1.2
2	nt	Ngô Bình An	Hết ranh trường THCS Thị trấn	1.2
3	nt	Ranh trường THCS Thị trấn (Tên cũ: Hết ranh trường THCS Thị trấn)	Đường 19/5 (Tên cũ: Nguyễn Mai)	1.2
4	nt	Đường 19/5 (Tên cũ: Nguyễn Mai)	Cầu Dương Thị Cẩm Vân	1.4
5	nt	Cầu Dương Thị Cẩm Vân	Hết ranh đất Trung Tâm Giáo Dục Thường Xuyên	1.2
6	nt	Hết ranh đất Trung Tâm Giáo Dục Thường Xuyên	Đập Tư Tính (Giáp ranh xã Tân Duyệt)	1.2
7	Đường 30/4	Cống ngã tư Xóm Ruộng	Giáp ranh Chi nhánh điện	1.4
8	nt	Chi nhánh điện	Đường 19/5	1.4
9	nt	Đường 19/5	Cầu Rạch Sao	1.2
10	nt	Cầu Rạch Sao	Trần Phán	1.4
11	Đường 30/4	Trần Phán	Về hướng Cầu thầy Chương: 500 mét	1.5
12	nt	Trần Phán + 500 m	Cầu thầy Chương	1.4
13	Đường 19/5	Dương Thị Cẩm Vân	Phạm Minh Hoài	1.2
14	nt	Phạm Minh Hoài	Đường 30/4	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
15	Phía sau trường cấp II, III	Đường 19/5	Ranh trường cấp II	1.4
16	Phạm Minh Hoài	Trần Văn Phú	Đường 19/5	1.4
17	Trần Văn Phú	Ngã tư Sông Đầm	Dương Thị Cẩm Vân	1.2
18	nt	Dương Thị Cẩm Vân	Lưu Tấn Thành	1.2
19	Trần Văn Phú	Lưu Tấn Thành	Đường 30/4	1.2
20	Lưu Tấn Thành	Trần Văn Phú	Nguyễn Mai	1.3
21	Nguyễn Mai	Dương Thị Cẩm Vân	Lưu Tấn Thành	1.3
22	nt	Lưu Tấn Thành	Phạm Minh Hoài	1.3
23	Trần Kim Yến	Dương Thị Cẩm Vân	Lưu Tấn Thành	1.2
24	nt	Lưu Tấn Thành	Phạm Minh Hoài	1.2
25	Huỳnh Kim Tấn	Dương Thị Cẩm Vân	Lưu Tấn Thành	1.2
26	nt	Lưu Tấn Thành	Nguyễn Tạo	1.3
27	Tô Văn Mười	Dương Thị Cẩm Vân	Phạm Minh Hoài	1.2
28	Trần Văn Bảy	Dương Thị Cẩm Vân	Phạm Minh Hoài	1.2
29	Nguyễn Tạo	Trần Văn Phú	Đường 19/5	1.2
30	Huỳnh Ngọc Điệp	Trần Văn Phú	Chợ nhà lồng mới	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
31	Nguyễn Văn Tiễn	Trần Văn Phú	Chợ nhà lồng mới	1.2
32	Phạm Học Oanh	Đầu chợ nhà lồng cũ	Nguyễn Mai (Bến tàu liên huyện)	1.2
33	nt	Nguyễn Mai (Bến tàu liên huyện)	Hết ranh đất Xí nghiệp chế biến thủy sản (Mé sông)	1.2
34	Thái Thanh Hòa	Dương Thị Cẩm Vân	Đường 30/4	1.4
35	Trần Phán	Đường 30/4	Cầu Chín Dư	1.3
36	Trần Văn Hy	Dương Thị Cẩm Vân	Đường 30/4	1.2
37	Quách Văn Phẩm	Huỳnh Kim Tấn	Đường 19/5	1.2
38	Các tuyến lộ khác	Cầu Cây Dương	Hết ranh Vườn thuốc Nam Hội Đông y	1.2
39	nt	Hết ranh Vườn thuốc Nam Hội Đông y	Ngã tư Xóm Ruộng	1.2
40	nt	Đường 30/4	150m về hướng Đập Chóp Mao	1.2
41	nt	Đường 30/4 + 151 m	Đập Chóp Mao	1.2
42	nt	Đập Chóp Mao	Ngã tư Xóm Ruộng (Theo sông Rạch Sao)	1.2
43	nt	Đường 30/4	Cầu Rạch Sao I	1.2
44	nt	Cầu Rạch Sao I	Cầu Rạch Sao II	1.2
45	nt	Cầu Rạch Sao II	Cầu thầy Chương	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
46	Tô Thị Tẻ	Phan Ngọc Hiển (Cầu Huyện Đội)	Tạ An Khương (Nhà Út Oanh)	1.0
47	nt	Tạ An Khương	Hết ranh đất ông Kiệt (Cầu Lung Lắm 2)	1.3
48	nt	Hết ranh đất ông Kiệt (Cầu Lung Lắm 2)	Cầu Cả Bát	1.5
49	Phan Ngọc Hiển	Tô Thị Tẻ	Hết ranh đất Trung tâm dạy nghề	1.2
50	nt	Hết ranh đất Trung tâm dạy nghề	Nhà bà Trần Thị Cót	1.2
51	nt	Tô Thị Tẻ (Chạy theo sông Lung Lắm)	Tạ An Khương	1.2
52	Tạ An Khương	Cầu Sông Đầm	Ngã tư Tô Thị Tẻ	1.2
53	nt	Ngã tư Tô Thị Tẻ	Cầu Tô Thị Tẻ (Lung Lắm)	1.2
54	nt	Lê Khắc Xương (Cầu Tô Thị Tẻ)	Đầu Lộ dân sinh vào bệnh viện	1.5
55	nt	Đầu Lộ dân sinh vào bệnh viện	Hết ranh Trường Thái Thanh Hòa	1.5
56	nt	Hết ranh Trường Thái Thanh Hòa	Cầu Lô 17	1.2
57	Lê Khắc Xương	Trương Phùng Xuân	Cầu Giáp Nước	1.2
58	Trương Phùng Xuân	Lê Khắc Xương	Hết ranh đất Trường THPT Thái Thanh Hòa	1.2
59	nt	Hết ranh đất Trường THPT Thái Thanh Hòa	Cầu lô 18	1.2
60	nt	Cầu lô 18 (Khóm 5)	Ngã ba lô 18 (Giáp ranh xã Tạ An Khương Nam)	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
61	Trương Phùng Xuân	Cầu Cây Dương	Giáp ranh xã Tạ An Khương Nam	1.2
62	nt	Cầu Cây Dương	Ngã tư xóm Ruộng (Giáp ranh xã Tạ An Khương)	1.2
63	Cầu Cây Dương đấu nối 30/4	Cầu Cây Dương	Lộ 30/4 đi Cà Mau	1.3
64	Ngô Bình An	Dương Thị Cẩm Vân	Đường 30/4	1.2
65	Tuyến khác	Cầu Lung Lắm	Hết ranh đất Nhà ông Trần Bá Phước (Giáp xã Tạ An Khương Nam)	1.4
66	Đường vào trường tiểu học	Phan Ngọc Hiển	Hết ranh trường tiểu học	1.2
67	Đường phía sau trường THPT Đầm Dơi	Đường 19/5	Đường Ngô Bình An	1.2
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1.2
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1.2

8. HUYỆN NĂM CĂN

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
1	Đường Nguyễn Tất Thành	Cầu Ông Tình	Giáp ranh đất Nghĩa trang liệt sỹ huyện (2 bên)	1.4
2	nt	Giáp ranh đất Nghĩa trang liệt sỹ huyện (2 bên)	- Hướng Đông đến đường Châu Văn Đặng - Hướng Tây đến hết quán Lá	1.4
3	Khóm 9	Đầu Vàm kênh xáng Quốc phòng (tên cũ: Ranh đất ông Lý Quang)	Hết ranh đất ông Tô Văn Xén	1,2
4	nt	Ranh đất ông Sáu Dũng	Cầu Ngọn Phi Xăng (tên cũ Hết ranh đất ông Nguyễn Hoàng Na)	1.0
5	Đường Chu Văn An	Toàn tuyến (Tên cũ: Giáp đường Nguyễn Tất Thành - Hết ranh Trường THCS TT. Năm Căn)		1,2
6	Đường Châu Văn Đặng	Toàn tuyến (Tên cũ: Đường Nguyễn Tất Thành - Đê ngăn triều cường)		1,4
7	Đường Nguyễn Tất Thành	Hạt Kiểm Lâm	Hết ranh đất Trại xuồng Thanh Điều 2	1.4
8	Khóm 8	Lộ mé sông Hạt Kiểm Lâm	Cầu Công an	1,2
9	nt	Cầu Công an	Hết ranh đất Trường Mầm Non	1,2
10	nt	Cầu Công an (Tên cũ: Ranh đất ông Sơn)	Hết ranh đất ông Nguyễn Trường Sơn (Tên cũ: Hết ranh đất ông Chánh)	1,4
11	nt	Đường xuống cầu Bệnh viện		1,2
12	Đường Nguyễn Tất Thành	Hạt Kiểm Lâm	Đường xuống cầu Bệnh viện	1.4
13	nt	Đường xuống cầu Bệnh viện	Hết ranh đất trường Mầm Non thị trấn	1.4

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
14	Đường Nguyễn Tất Thành	Hết ranh đất trường Mầm Non thị trấn	Đường Lý Nam Đế	1.4
15	Khóm 2	Đường Lý Nam Đế	Hết ranh đất trường Mầm Non Sao Mai	1,4
16	nt	Hết ranh đất trường Mầm Non Sao Mai	Đầu đường Lý Nam Đế (Tên cũ: Hết ranh đất nhà may Hảo)	1,2
17	Đường Lý Nam Đế	Hết ranh đất nhà may Hảo	Đường Nguyễn Tất Thành	1,2
18	Khóm 2	Đường Lý Nam Đế	Cầu kênh Tắc	1,2
19	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Lý Nam Đế	Ngã tư (Bưu điện) hướng Tây	1.4
20	Đường Hùng Vương	Ngã Tư (Bưu điện)	Cầu Kênh Tắc (Một bên hướng Bắc)	1.4
21	Đường Hùng Vương	Ngã tư bưu điện	Cầu Kênh Tắc (Một bên hướng Nam)	1,2
22	Đường An Dương Vương	Toàn tuyến		1,2
23	Đường Âu Cơ	Toàn tuyến		1,2
24	Đường Lạc Long Quân	Toàn tuyến		1,2
25	Khóm 2	Hẻm phía sau khách sạn Cẩm Hà (Tên cũ: Hẻm phía sau khách sạn Cẩm Hà - Hết ranh đất ông Vũ Thuốc Bắc)		1,2
26	nt	Đường Nguyễn Tất Thành	Hết ranh đất ông Trần Văn Lâm (Hẻm nhà ông Ba Châu)	1,2
27	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Châu Văn Đặng	Giáp ranh đất Bệnh viện	1.4

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
28	Đường Nguyễn Tất Thành	Giáp ranh đất Bệnh viện	Hết ranh đất trường tiểu học I - thị trấn Năm Căn	1.4
29	nt	Hết ranh đất trường tiểu học I - thị trấn Năm Căn	Ngã Tư Bưu điện (Hướng Đông)	1.4
30	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Tất Thành (ngã tư bưu điện)	Cầu kênh Xáng	1.4
31	Khóm 4	Nhà ông Phan Bá Đường (Tên cũ: Ranh đất ông Đường (Bưu điện))	Đê ngăn triều cường (Tên cũ: Cầu nhà bà Hải)	1.3
32	Đường Lý Nam Đế	Đường Nguyễn Tất Thành	Hết ranh đất ông Trung (2 bên)	1,2
33	Đường Lý Nam Đế	Ngã ba nhà ông Trung	Ranh đất ông Tiến (Thuốc nam)	1,0
34	Đường Lê Văn Tám	Đường Lý Nam Đế	Đường Hùng Vương	1,2
35	Khóm 6	Cầu Kênh Xáng	Đường Châu Văn Đặng (Tên cũ: Hết ranh đất ông Trần Nam Dân (Kiệt))	1,0
36	nt	Khu tái định cư kênh xáng Nhà Đèn		1.5
37	Khóm 4	Đường Nguyễn Tất Thành	Đê ngăn triều cường (Tên cũ: Giáp với cống thoát nước kênh xáng Nhà Đèn)	1.3
38	nt	Ngã ba khu tập thể giáo viên trường THCS Phan Ngọc Hiển (Tên cũ: Ngã ba khu tập thể giáo viên)	Đường Lý Nam Đế (Tên cũ: Cống thoát nước kênh xáng (Đập))	1.1
39	nt	Đường Hùng Vương	Khu nhà tình nghĩa (Cặp UBND thị trấn Năm Căn)	1.3
40	Khóm 6	Đường Nguyễn Tất Thành	Đê ngăn triều cường	1.3

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	***Đến***	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
41	Khóm 4	Các tuyến còn lại trong khóm 4, Thị trấn		1.4
42	nt	Đường Lý Nam Đế	Hết ranh đất ông Nguyễn Minh Hoàng (Tên cũ: Hết ranh đất Bà Cúc)	1.3
43	nt	Đường Lý Nam Đế	Hết ranh đất ông Lê Chí Khắc (Tên cũ: Hết ranh đất ông Khắc)	1.3
44	Đường Nguyễn Tất Thành	Ngã tư bưu điện	Bến phà sông Cửa Lớn (Tên cũ: Bến tàu sông Cửa Lớn (2 bên))	1.2
45	Đường Võ Thị Sáu	Toàn tuyến		1.2
46	Đường Kim Đồng	Toàn tuyến (Tên cũ: Đường Hùng Vương - Đường Võ Thị Sáu)		1.2
47	Khóm 7	Đường Nguyễn Tất Thành (Bến phá sông Cửa Lớn) (Tên cũ: Đường Nguyễn Tất Thành (Hết ranh đất ông Toản))	Hết ranh đất ông Tô Hoàng Cương	1.2
48	nt	Đường Hùng Vương	Đường Võ Thị Sáu	1.2
49	nt	Đường Nguyễn Tất Thành	(Hết ranh đất ông Trần Văn Trọng (Tên cũ: Hết ranh đất ông Hứa Việt Thành)	1.2
50	Khóm 1	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất ông Nguyễn Thanh Tuyền	1.0
51	Khóm 7 (Tên cũ: Khóm 1)	Đường Võ Thị Sáu (Tên cũ: Ranh đất ông Bùi Văn Chương)	Hết ranh đất Thái Hồng Lam (Tên cũ: Hết ranh đất ông Kiệt)	1.2
52	Đường 13/12	Toàn tuyến (Tên cũ: Đầu lộ Tượng đài - Giáp đường Hùng Vương)		1.2
53	Khóm 1	Đường 13/12	Đường Nguyễn Tất Thành (Tên cũ: Cống Lâm Sản cũ)	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
54	Khóm 7	Hết ranh đất ông Trần Văn Dẹp (Tên cũ: Ranh đất ông Tám Mừng)	Giáp trại giống ông Nguyễn Tương Phùng (Tên cũ:Hết ranh đất ông Hận)	1.3
55	Khóm 1	Hết khu vực I khóm 1 (Sau khu hành chính huyện)		1.3
56	Khóm Hàng Vịnh	Cầu Kênh Xáng	Cầu ông Do (Tên cũ: Rạch ông Do (2 bên))	1.2
57	nt	Cầu Ông Do	Vàm Ông Do	1.3
58	nt	Ranh đất bà Lê Thị Hoa	Hết ranh đất ông Lê Văn Phước	1.2
59	nt	Ranh đất ông Trịnh Hoàng Chiến	Hết ranh đất ông Diệp Văn Khênh	1.2
60	nt	Ranh đất Phan Hồng Phúc	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Ngạn	1.0
61	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Tý	Hết ranh đất ông Cao Thanh Bình	1.0
62	Đường Hùng Vương	Cầu Kênh Tắc	Ngã tư khu tập thể Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thuỷ sản Năm Căn	1.4
63	nt	Ngã 3 khu tập thể CTXNKTS Năm Căn (Tên cũ: Ranh đất ông Phạm Đình Tráng)	Hết ranh đất Khóm 3 (Tên cũ: Hết khóm 3 (Lộ xi măng))	1.4
64	Khóm 3	Đường Hùng Vương	Huyện đội	1.2
65	Đường Hùng Vương	Ngã tư khu tập thể Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thuỷ sản Năm Căn	Hết ranh đất ông Phạm Đình Tráng	1.4
66	Khóm 3	Đường Hùng Vương	Đến trụ sở khóm 3 (Tên cũ: Hết ranh đất ông Sữa)	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
67	Khóm 3	Cầu Kênh Tắc cặp theo sông Cái Nai (Tên cũ: Cầu sắt cặp theo sông Cái Nai)	Ranh đất công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Năm Căn (Tên cũ: Hết ranh đất ông Lê Hồng Lâm)	1.2
68	Đường Hùng Vương	Ranh đất khóm 3	Cầu Xẻo Nạn	1.8
69	Khóm 3	Cầu Kênh Tắc cặp theo sông Cái Nai (Tên cũ: Ranh đất bà Tùng Diêm)	Trụ sở sinh hoạt Văn hóa khóm 3 (Tên cũ: Hết ranh đất ông Ba Tuấn)	1.2
70	nt	Hết khu vực dãy 19 căn		1.3
71	Khóm Sa Phô	Giáp khóm 5	Hết ranh đất ông Nguyễn Hồng Khanh	1.3
72	nt	Ranh đất ông Lê Anh Kiệt	Hết ranh đất ông Huynh Đen	1.0
73	nt	Ranh đất ông Trần Hớn Lến	Hết ranh đất ông Nguyễn Việt Trì	1.0
74	nt	Ranh đất ông Trương Hoàng Việt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Minh	1.0
75	nt	Ranh đất ông Đinh Văn Thơ	Hết ranh đất ông Trần Văn Đấu	1.0
76	nt	Vàm Xẻo Nạn	Vàm Xẻo Cập (Ngoài đất Lâm Trường)	1.2
77	Khóm 5	Cầu Xẻo Thùng	Cầu Kênh Cùng	1.1
78	nt	Cầu Kênh Cùng	Hết ranh đất ông Trịnh Hên	1.2
79	nt	Đầu lộ Trạm y tế	Trụ sở SaLaTen (Tên cũ: Đầu lộ xóm Dân tộc Khơme)	1.3
80	nt	Đầu lộ xóm Dân Tộc Khơme	Hết ranh đất ông Châu Phến	1.3

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	***Đến***	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
81	Khóm 5	Đầu lộ xóm Dân Tộc Khơme	Giáp sông Xẻo Nạn	1.3
82	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Quốc	Hết ranh đất ông Trần Minh Phụng	1.2
83	Khóm Tắc Năm Căn	Ranh đất ông Nguyễn Bé Bảy	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Có	1.2
84	nt	Ranh đất ông Hoàng Anh Đức	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Sang	1.2
85	Khóm Cái Nai	Đường Nguyễn Tất Thành	Cầu Ông Tình 2	1.2
		Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2

9. HUYỆN NGỌC HIỂN

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
1	Lộ bê tông	Cầu kênh Ba	Cầu ông Tư Lang	1.0
2	nt	Cầu ông Tư Lang	Hết ranh đất Đồn Biên Phòng 676	1.0
3	nt	Cầu kênh Ba	Cầu kênh Ngang	1.2
4	nt	Cầu kênh Ngang	Cầu Tà Hậu	1.0
5	nt	Cầu kênh Ba	Kênh Cả Tháp	1.2
6	nt	Cầu kênh Ba	Kênh Ông Nam	1.2
7	nt	Kênh Ông Nam	Kênh Huế	1.2
8	nt	Kênh Huế	Đầu lộ Trung tâm huyện	1.2
9	nt	Cầu Tà Hậu	Kênh Nước Lộn	1.2
10	nt	Cầu kênh Ngang	Hết ranh đất ông Tư Đậm	1.2
11	nt	Tuyến đường số 14, 15, 16 theo quy hoạch (Từ đầu lộ Bưu điện đến nhà Lồng chợ)		1.2
12	nt	Cầu Kênh Ngang	Kênh Kiều	1.2
13	Lộ bê tông dọc theo sông Rạch Gốc	Cầu Kênh Ba (cầu dân sinh) (Tên cũ: Cầu Kênh Ba)	Kênh ông Nam	1.2
14	nt	Kênh ông Nam	Kênh Huế	1.2
15	Lộ bê tông dọc theo sông Rạch Gốc	Kênh Huế	Đầu lộ Trung tâm huyện	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	***Đến***	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
16	Lộ cấp VI đồng bằng	Trung tâm dạy nghề	Cầu ông Định (Sáu Hà)	1.2
17	nt	Cầu Kênh ba mới	Bến phà sông Đường kéo	1.2
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1.2
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1.2

PHỤ LỤC II: HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN

1. THÀNH PHỐ CÀ MAU

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
1	Lộ Công Cà Mau - Ô Rô - Cầu số 3	Quốc Lộ 63	Ranh phường Tân Xuyên	1,2
2	Quốc lộ 63	Cầu số 2	Cách cầu số 3: 300m	1,2
3	nt	Cách cầu số 3: 300m	Cầu số 3	1,4
4	Lộ GTNT (xã An Xuyên)	Cầu số 3	Vàm Cái Giữa (Giáp ranh phường Tân Xuyên)	1.2
5	nt	Cống số 2	Đập Xóm Làng (Kênh xáng Phụng Hiệp)	1.2
6	Kênh xáng Phụng Hiệp	Ranh phường Tân Thành	Ranh tỉnh Bạc Liêu	1.2
7	Kênh xáng Cái Nhúc	Ranh Phường Tân Thành	Tắc Vân (Đi qua ấp Bình Định)	1.2
8	Quốc lộ 1A	Ranh tỉnh Bạc Liêu	Hết ranh chùa Hưng Vân Tự	1,0
9	nt	Hết ranh chùa Hưng Vân Tự	Phía Đông nhà thờ Tin Lành	1,4
10	nt	Phía Đông nhà thờ Tin Lành	Hết ranh cổng Phân Viện	1,4
11	nt	Hết ranh cổng Phân Viện	Hết ranh Xưởng X 195 Quân đội	1,4
12	nt	Hết ranh Xưởng X 195 Quân đội	Ranh xã Định Bình	1,4
13	nt	Ranh xã Định Bình	Hết ranh kho xăng Công ty cổ phần Du lịch - Dịch vụ Minh Hải	1,4
14	nt	Hết ranh kho xăng Công ty cổ phần Du lịch - Dịch vụ Minh Hải	Hết Nhà máy Nhiệt điện	1,4

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
15	Quốc lộ 1A	Hết Nhà máy Nhiệt điện	Ranh phường 6	1,4
16	Quản lộ Phụng Hiệp	Ranh phường Tân Thành	Ranh tỉnh Bạc Liêu	1,2
17	Nguyễn Tất Thành	Cống Hội đồng Nguyên	Đường vào UBND xã Lý Văn Lâm	1,4
18	nt	Đường vào UBND xã Lý Văn Lâm	Đường vào Đình Thạnh Phú	1,4
19	nt	Đường vào Đình Thạnh Phú	Cống Bà Điều	1,4
20	nt	Cống Bà Điều	Cầu Lương Thế Trân	1,2
21	Đường vào UBND xã Lý Văn Lâm	Nguyễn Tất Thành	Kênh Rạch Rập	1,2
22	Đường kênh Rạch Rập (Phía Đông)	Ranh xã Lý Văn Lâm	Kênh xáng Lương Thế Trân	1,2
23	Đường kênh Rạch Rập (Phía Tây)	Ranh xã Lý Văn Lâm	Kênh xáng Lương Thế Trân	1,2
24	Lê Hồng Phong	Giáp ranh phường 8	Sông Gành Hào	1,0
25	Đường Cà Mau - Hòa Thành	Ranh phường 7	Ngã ba nối với đường Cà Mau - Hòa Thành	1,2
26	Đường Cà Mau - Hòa Thành	Ngã ba nối với đường Cà Mau - Hòa Thành	Hết ranh UBND xã Hòa Thành	1,2
27	nt	Hết ranh UBND xã Hòa Tân (Cầu Hòa Tân - Hòa Thành)	Ngã tư Trạm Y Tế xã Hòa Tân	1,2
28	Tuyến ô tô về trung tâm xã Định Bình	Ngã tư Trạm Y Tế xã Hòa Tân	Ranh xã Định Bình	1,2
29	Tuyến ô tô về trung tâm xã Định Bình	Kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu	Ngã tư UBND xã Định Bình	1,2
30	Tuyến Ô tô về trung tâm xã Định Bình	Ngã tư UBND xã Định Bình	Cầu liên xã (Hòa Tân - Định Bình)	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
31	Tuyến Cầu Lá Danh	Trạm y tế	Cầu Lá Danh	1,2
32	Lộ nhựa (Xã Hòa Tân)	Ngã tư Trạm Y tế xã Hòa Tân	Cầu Liên Xã (Hòa Tân - Định Bình)	1,2
33	Tuyến Cầu Liên Xã (Hòa Tân - Định Bình)	Cầu Liên Xã (Hòa Tân - Định Bình)	Trường Tiểu học Hòa Tân 1(Khu B)	1,2
34	Lộ GTNT (Xã Hòa Tân)	Cống Giồng Nổi	Kênh Cái Su	1,2
35	nt	UBND xã Hòa Tân	Cống Xã Đạt	1,2
36	nt	Kênh Cái Tắc	Kênh Trâm Bầu	1,2
37	nt	Sông Trại Sập	Kênh Cái Tắc	1,2
38	Đường lộ tẻ đi vào xóm Gò Muồng thuộc ấp 3, xã Tắc Vân (Cạnh Tổng kho xăng dầu, hiện trạng lộ tráng xi măng rộng 2m), đoạn Quốc lộ 1A - Cầu Trắng, có độ dài 500m			1,2
39	Đường Cà Mau - Hòa Thành (Mới)	Cống Hòa Thành	Bến phà đi Đầm Dơi	1,2
40	nt	Bến phà đi Đầm Dơi	Cầu Cái Su	1,2
41	Lộ GTNT (Xã Hòa Thành)	Cầu Giồng Nổi	Kênh Cây Tư	1,2
42	nt	UBND xã Hòa Thành (Giáp đường Cà Mau - Hòa Thành)	Cống Xã Đạt	1,2
43	nt	Trường THCS Hòa Thành	Cầu Rồng (Cầu Hòa Tân A)	1,2
44	Kênh cầu Nhum	Toàn Tuyến (Xã Hòa Thành)		1,2
45	Rạch Cái Ngang (Hòa Thành) (Tên cũ: Rạch Cái Ngang)	Toàn Tuyến (Xã Hòa Thành)		1,2
46	Lộ Cây Dương	Cầu Cái Su (Đi qua ấp Bình Thành, xã Định Bình)	Ấp 4, xã Tắc Vân	1,2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
47	Các tuyến lộ bê tông từ 2m - 2,5 m (Xã Định Bình)			1,2
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1,2

2. HUYỆN THỚI BÌNH

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
1. Xã Biển Bạch				
1	Bờ Đông sông Trẹm	Giáp ranh xã Tân Bằng	Kênh 12 + 500m	1.4
2	nt	Kênh 12 + 500m	Kênh 13 + 500m	1.3
3	nt	Kênh 13 + 500m	Rạch Ngã Bát	1.2
4	Lộ Thới Bình - Tân Bằng nối dài (Lộ đất)	Giáp ranh xã Tân Bằng	Rạch Ngã Bát	1.4
2. Xã Tân Bằng				
5	Bờ Đông sông Trẹm	Giáp ranh xã Biển Bạch Đông	Kênh Năm	1.0
6	nt	Kênh Năm	Kênh Sáu	1.0
7	nt	Kênh Sáu	Kênh Bảy	1.0
8	nt	Kênh Bảy	Kênh Chín	1.0
9	nt	Kênh Chín	Giáp ranh xã Biển Bạch	1.0
10	Lộ nhựa Thới Bình - Tân Bằng	Kênh Ba+120m (Hết ranh xã Biển Bạch Đông)	Kênh Bảy Tân Bằng	1.3
11	Khu tiểu thủ công nghiệp thuộc bờ Tây Sông Trẹm	Kênh 11	Hết ranh Chùa Hưng Hạnh Tự	1.2
12	Lộ Thới Bình - Tân Bằng nối dài (Lộ đất)	Kênh Bảy Tân Bằng	Giáp ranh xã Biển Bạch	1.4
13	Lộ Kênh 6 – Rạch Giữa	Cầu treo	Giáp lộ Hành Lang ven biển phía Nam	1.2
14	Lộ Vàm Thiệt (bờ Bắc)	Sông Trẹm	Giáp lộ Hành Lang ven biển phía Nam	1.0

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
3. Xã Biển Bạch Đông				
15	Bờ Đông sông Trẹm	Kênh Ba Chùa	Cách trụ sở UBND xã Biển Bạch Đông: 300m	1.1
16	nt	Cách trụ sở UBND xã Biển Bạch Đông: 300m (Về hướng thị trấn Thới Bình)	Hết ranh UBND xã Biển Bạch Đông	1.2
17	nt	Hết ranh UBND xã Biển Bạch Đông	Cách UBND xã Biển Bạch Đông: 300m (Về hướng xã Tân Bằng)	1.0
18	nt	Cách UBND xã Biển Bạch Đông: 300m (Về hướng xã Tân Bằng)	Giáp ranh xã Tân Bằng	1.2
19	Lộ nhựa dọc theo Kênh Sáu La Cua (Bờ Bắc)	Giáp lộ bê tông Thới Bình - Biển Bạch	Giáp lộ nhựa Thới Bình - Tân Bằng	1.3
20	Lộ nhựa Thới Bình - Tân Bằng	Kênh Ba Chùa	Kênh Ba +120m (Hết ranh xã Biển Bạch Đông)	1.0
21	Lộ nhựa dọc theo kênh Sáu La Cua bờ Bắc	Giáp lộ nhựa Thới Bình - Tân Bằng	Kênh 9 (Giáp xã Trí Lực) (Tên cũ: Kênh 7 (Giáp xã Trí Lực))	1.2
4. Xã Trí Lực				
22	Tuyến kênh 30	Kênh 8 (Bờ Đông), ấp Phủ Thờ	Kênh 7	1.0
23	nt	Phủ Thờ Bác (Bờ Đông)	Hết ranh Trường trung học cơ sở Trí Lực	1.0
24	nt	Kênh 7, ấp 9 (Bờ Bắc)	Kênh 8 (Bờ Bắc)	1.5
25	Tuyến kênh 7	Chợ xã ấp Phủ Thờ (Bờ Đông)	Hết ranh đất Cây xăng Thanh Hiền	1.4
26	nt	Hết ranh đất Cây xăng Thanh Hiền	Kênh Đầu Ngàn (Giáp ranh xã Trí Phải)	1.0
27	Kênh 7	Giáp kênh 30, ấp 9 (Bờ Đông)	Hết ranh Trạm y tế xã Trí Lực	1.4
28	Lộ nhựa Trí Lực đi Biển Bạch Đông	Đầu cầu bờ Tây kênh 30	Kênh 9 giáp ranh Biển Bạch Đông	1.0

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
5. Xã Trí Phải				
29	Tuyến lộ thị trấn Thới Bình - Trí Phải	Giáp ranh xã Thới Bình	Kênh Lầu	1.1
30	nt	Kênh Lầu	Hết Ranh nhà máy đường cũ	1.0
31	nt	Hết Ranh nhà máy đường cũ	Quốc lộ 63 (Bao gồm cả khu chợ)	1.3
32	Quốc lộ 63	Ranh Hạt (Giáp tỉnh Kiên Giang)	Cống Nam Đông	1.0
33	nt	Cống Nam Đông	Cầu Trí Phải + 500m	1.0
34	nt	Cầu Trí Phải + 500m	Cầu Trí Phải	1.3
35	nt	Cầu Trí Phải	Cầu Trí Phải + 500m (Hướng về Tân Phú)	1.0
36	nt	Cầu Trí Phải + 500m (Hướng về Tân Phú)	Hết Trường cấp 3 xã Trí Phải + 100m	1.1
37	nt	Hết Trường cấp 3 xã Trí Phải +100m	Cống Cây Gừa (Giáp ranh Tân Phú)	1.0
38	Cầu Trí Phải (Kênh xáng Chợ Hội, bờ Bắc)	Cầu Trí Phải	Cầu Trí Phải + 300m	1.0
39	Kênh xáng Chắc Băng, bờ Bắc	Kênh Kiểm	Kênh Kiểm + 400m (Về hướng Thị Trấn Thới Bình)	1.0
40	nt	Kênh Kiểm + 400m (Về hướng Thị Trấn Thới Bình)	Ngang Kênh Lầu	1.0
6. Xã Thới Bình				
41	Lộ Rạch Bà Đặng	Hết ranh Thị trấn Thới Bình (Bờ Nam)	Kênh Tân Phong (Ngã tư Ngọn Cại)	1.0
42	Lộ nhựa Thới Bình - Tân Lộc	Cầu Bà Hội +100m	Cống Thới Hòa	1.0
43	nt	Cống Thới Hòa	Giáp ranh xã Tân Lộc	1.0
44	Tuyến lộ thị trấn Thới Bình - Trí Phải	Giáp ranh Thị trấn Thới Bình	Cống xã Thới Bình	1.0

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
45	nt	Cống xã Thới Bình	Giáp ranh xã Trí Phải	1.0
46	Tuyến Kênh Hai Ngó	Đầu kênh Hai Ngó	Ngã tư Đồng Sậy	1.2
47	Bờ Tây Sông Trẹm	Giáp ranh Thị trấn Thới Bình	Rạch ông Bường	1.0
48	Lộ tránh thị trấn Thới Bình (Phía sau huyện đội)	Giáp ranh Thị trấn Thới Bình	Nút giao với đường hành lang ven biển phía Nam (Tên cũ: Hết ranh đất ông Giang Tử Trực)	1.4
49	Bờ Nam Kênh Công An	Cống xã Thới Bình	Rạch Bà Đặng	1.0
7. Xã Tân Phú				
50	Quốc lộ 63	Cống Cây Gừa (Ranh xã Trí Phải)	Cách cầu Chợ Hội 1000m	1.1
51	nt	Cách cầu Chợ Hội 1000m	Cầu Chợ Hội + 500m	1.1
52	nt	Cầu Chợ Hội + 500m	Cống Ban Lì (Giáp ranh Tân Lộc Bắc)	1.1
53	Các lộ nội bộ trung tâm xã Tân Phú	Bạch Ngưu + 100m (Về hướng Tràm Thẻ)	Hết ranh Trạm y tế xã Tân Phú	1.0
54	nt	Lộ bê tông từ ranh UBND xã Tân Phú	UBND xã Tân Phú + 300 m (Về hướng Chủ Trí)	1.0
55	nt	Cách cầu Chợ Hội: 50 m (Dọc 2 bờ kênh xáng Bạch Ngưu)	Kênh xáng Huyện Sử - Chợ Hội	1.0
56	nt	Ngã tư Chợ Hội (Về hướng Tràm Thẻ)	Ngã tư Chợ Hội + 500m	1.0
57	Cầu Chợ Hội - Ranh Hạt - Tràm Thẻ	Cầu Chợ Hội - Ranh Hạt	Lộ Tràm Thẻ	1.0
8. Xã Tân Lộc Đông				
58	Lộ Tân Phong	Kênh C4 (Giáp ranh xã Tân Lộc)	Cách Kinh xáng Phụng Hiệp: 500m	1.1
59	nt	Cách Kinh xáng Phụng Hiệp: 500m	Kinh xáng Phụng Hiệp	1.0
60	nt	Cầu Đầu Xấu	Bến phà Đầu Xấu (Giáp kinh xáng Phụng Hiệp)	1.3

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
61	Tuyến lộ Bắc Kinh xáng Phụng Hiệp	Kênh Nhà Thờ (Giáp ranh tỉnh Bạc Liêu)	Kênh Nhà Thờ +200 m hướng về UBND xã Tân Lộc Đông	1.0
62	nt	Kênh Nhà Thờ +200 m hướng về UBND xã Tân Lộc Đông	Hết ranh UBND xã Tân Lộc Đông	1.0
63	nt	Hết ranh UBND xã Tân Lộc Đông	UBND xã +1000m (Về hướng Cà Mau)	1.0
64	nt	UBND xã + 1000m (Về hướng Cà Mau)	Cách Vàm Bướm: 500m	1.2
65	nt	Cách Vàm Bướm: 500m	Vàm Bướm	1.1
66	Tuyến Vàm Bướm - kênh Láng Trâm	Vàm Bướm	Vàm Bướm + 200m (Về hướng cầu số 4)	1.0
67	nt	Vàm Bướm + 200m (Về hướng cầu số 4)	Giáp ranh Tân Lộc - Tân Lộc Đông	1.0
9. Xã Tân Lộc Bắc				
68	Quốc lộ 63	Cống Ban Lì (Giáp ranh xã Tân Phú)	Cách cầu Tân Bình 500m	1.0
69	nt	Cách cầu Tân Bình 500m	Cầu Tân Bình	1.0
70	nt	Cầu Tân Bình	Cầu Tân Bình + 500m (Về hướng Tân Lộc)	1.0
71	nt	Cầu Tân Bình + 500m (Về hướng Tân Lộc)	Giáp ranh xã Tân Lộc	1.0
72	Lộ Tân Phong	Cầu Tân Bình	Hết ranh Trạm y tế xã Tân Lộc Bắc	1.0
73	Lộ Tân Phong	Hết ranh Trạm y tế xã Tân Lộc Bắc	Trạm y tế xã Tân Lộc Bắc + 500m	1.0
74	nt	Trạm y tế xã Tân Lộc Bắc + 500m	Cống Đường Giữa (Giáp ranh xã Tân Lộc)	1.0
75	Lộ phía sau UBND xã Tân Lộc Bắc	Hết ranh Trạm y tế xã Tân Lộc Bắc	Giáp Quốc lộ 63	1.0
76	nt	Giáp ranh xã Tân Phú	Giáp ranh xã Tân Lộc	1.0
77	Tây Bạch Ngưu	Giáp Tân Lộc	Ranh ấp 6	1.0

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
78	nt	Giáp ấp 9	Cầu Kênh Miễu	1.0
79	nt	Kênh Miễu giáp ấp 6	Cầu Bào Chà	1.0
10. Xã Tân Lộc				
80	Lộ nhựa Thới Bình - Tân Lộc	Giáp ranh xã Thới Bình	Cầu Rạch Giáng	1.0
81	nt	Cầu Rạch Giáng	Hết ranh đất ông Tám Sỹ	1.0
82	nt	Hết ranh đất ông Tám Sỹ	Cầu Bạch Ngưu	1.0
83	nt	Cầu Bạch Ngưu	Quốc lộ 63	1.0
84	Quốc Lộ 63	Giáp ranh xã Tân Lộc Bắc	Cầu số 5	1.0
85	nt	Cầu số 5	Cách cầu số 4: 500m (Ranh đất nhà ông Kết - ông Thắng)	1.0
86	nt	Cách cầu số 4: 500m (Ranh đất nhà ông Kết - ông Thắng)	Cầu số 4	1.1
87	nt	Cầu số 4	Ranh kho X (Tên cũ: Ranh Kho đạn)	1.1
88	nt	Ranh kho X (Tên cũ: Ranh Kho đạn)	Cầu số 3	1.1
89	Lộ bê tông Chợ Tân Lộc	Tiệm vàng Đức Thiệu	Hết ranh đất ông Đơ	1.0
90	nt	Hết ranh nhà ông Đơ	Hết ranh Trường mầm non Tân Lộc	1.0
91	Các tuyến lộ thuộc xã Tân Lộc	Cầu số 4	Chùa Phước Linh (Phía Nam, ấp 2)	1.0
92	Tuyến Tân Lộc - Vàm Bướm	Cầu số 4 (Bờ Bắc, ấp 3)	Hết ranh đất ông Ba Nhuận (Ấp 3)	1.2
93	nt	Hết ranh đất ông Ba Nhuận (Bờ Bắc, ấp 3)	Giáp ranh xã Tân Lộc Đông	1.2
94	nt	Cầu số 4 (Bờ Nam)	Ngang nhà ông Ba Nhuận	1.0

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
95	Lộ Tân Phong	Cống Đường Giữa (Giáp ranh xã Tân Lộc Bắc)	Kênh C4 (Giáp ranh xã Tân Lộc Đông)	1.0
11. Xã Hồ Thị Kỷ				
96	Bờ Tây Sông Trẹm	Rạch Ông Bường	Rạch Cai Phú (Tên cũ: Rạch Cái Phú)	1.0
97	Đường về UBND xã Hồ Thị Kỷ	Cầu Bạch Ngưu	Cầu Bạch Ngưu + 250m (Về hướng Tắc Thủ)	1.0
98	nt	Cầu Bạch Ngưu + 250m	Cầu Tắc Thủ (Phía Nam)	1.0
99	nt	Cầu Bạch Ngưu + 250m	Cầu Tắc Thủ (Phía Bắc)	1.0
100	Tuyến lộ Bạch Ngưu	Vàm Bạch Ngưu	Kênh bà Mười Bánh Cam	1.0
101	nt	Kênh bà Mười Bánh Cam	Vàm Rạch Giồng	1.0
102	Tuyến lộ ven sông Tắc Thủ	Bạch Ngưu	Hết ranh đất bà Lến	1.0
103	nt	Hết ranh nhà bà Lến	Cầu Tắc Thủ (Khu chợ)	1.0
104	Tuyến lộ Đường Xuồng	Cầu Chữ Y	Cầu Rạch Bần Nhỏ	1.0
105	nt	Cầu Rạch Bần Nhỏ	Cống Đường Xuồng	1.0
106	Lộ nhựa đi Bào Nhàn	Cầu Khánh An	Cầu Bến Gỗ	1.0
107	nt	Cầu Bến Gỗ	Cầu kênh Thị Phụng (Trạm y tế xã)	1.0
108	nt	Cầu kênh Thị Phụng (Trạm y tế xã)	Kênh Rạch Giồng (Sông Bạch Ngưu)	1.0
109	Võ Văn Kiệt	Cầu Bạch Ngưu	Cầu Khánh An (Sông Ông Đốc)	1.0
110	Lộ ven sông Trẹm (Phía Đông)	Cầu kênh Thị Phụng	Rạch Ông Hương (Tên cũ: Rạch Bà Hội)	1.0
111	Tuyến lộ bê tông kênh Thị Phụng (Bờ Nam)	Sông Trẹm	Cầu trước nhà ông Quách Dũng	1.0
112	Lộ bê tông (Tắc Thủ - Khánh An)	Cầu Tắc Thủ	Cầu Khánh An	1.0

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	***Đến***	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1.2
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		1.2

3. HUYỆN U MINH

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
1. Xã Khánh Thuận				
1	Tuyến sông Cái Tàu, bờ Đông	Giáp ranh giáp thị trấn U Minh	Bờ Nam Kênh 18	1.2
2	nt	Kênh 18, bờ Bắc	Giáp ranh tỉnh Kiên Giang	1.2
3	Kênh 5 đất Sét: Bờ nam	Đầu kênh	Giáp ranh tỉnh Kiên Giang	1.2
4	Kênh 11	Bờ Bắc (Giáp thị trấn U Minh)	Giáp ranh huyện Thới Bình	1.2
5	nt	Bờ Nam (Giáp thị trấn U Minh)	Giáp ranh huyện Thới Bình	1.2
6	Tuyến sông Cái Tàu, bờ Tây	Giáp ranh giáp thị trấn U Minh	Kênh Xã Thìn, bờ Nam	1.2
7	nt	Kênh Xã Thìn, bờ Bắc	Giáp ranh xã Khánh Hòa	1.2
8	Kênh xã Thìn	Đầu kênh Xã Thìn, bờ Bắc	Giáp ranh xã Khánh Hòa	1.2
9	nt	Đầu kênh Xã Thìn, bờ Nam	Giáp ranh xã Khánh Hòa	1.2
10	Rạch Nai	Đầu kênh Rạch Nai, bờ Nam	Giáp ranh xã Khánh Hòa	1.2
11	Bờ bao Ba Quý	Bờ Đông (Giáp lộ bắc kênh 11)	Kênh 21, bờ Nam	1.2
12	Kênh 18	Kênh 18, bờ Bắc (Giáp Thới Bình)	Lộ nhựa 7 Kênh	1.2
13	nt	Đầu kênh 18, bờ Nam	Bờ bao kênh Tư	1.2
14	Lộ nhựa 7 Kênh	Đầu lộ (Bờ Bắc kênh 11)	Giáp ranh tỉnh Kiên Giang	1.2
15	Kênh 3	Kênh 18	Kênh 21	1.2
16	Kênh 27 (Bờ Bắc)	Kênh 7-500	Kênh 14	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
17	Kênh 27 (Bờ Nam)	Kênh 7-500	Kênh 14	1.2
18	Kênh 28 (Bờ Bắc)	Kênh 7-500	Kênh 14	1.2
19	Kênh 28 (Bờ Nam)	Kênh 7-500	Kênh 14	1.2
20	Kênh 29 (Bờ Nam)	Kênh 7-500	Kênh 14	1.2
21	Kênh 25 (Bờ Bắc)	Kênh 7-500	Kênh 14	1.2
22	Kênh 25 rưỡi (Bờ Nam)	Kênh 7-500	Kênh 14	1.2
23	Kênh 4	Giáp ranh thị trấn U Minh	Bờ Nam Kênh 18	1.2
24	Kênh 26 (Hai bờ)	Kênh 7-500	Kênh 14	1.2
2. Xã Khánh Hòa				
25	Tuyến sông Hương Mai (Bờ Nam)	Ngã ba Kim Đài	Giáp ranh xã Khánh Tiến	1.2
26	Tuyến sông Hương Mai (Bờ Bắc)	Ngã ba Đường Cuốc	Giáp ranh xã Khánh Tiến	1.3
27	Kênh Kim Đài - Khánh Lâm	Ngã ba Kim Đài, bờ Đông	Hết ranh đất trường THCS Khánh Hòa	1.2
28	nt	Hết ranh đất trường THCS Khánh Hòa	Giáp ranh xã Khánh Lâm	1.2
29	nt	Ngã ba Kim Đài, bờ Tây	Giáp ranh xã Khánh Lâm	1.4
30	Kênh Mũi Chùi (Bờ Bắc)	Đầu kênh Mũi Chùi (Kênh Công Nghiệp)	Giáp ranh xã Khánh Lâm	1.2
31	Kênh Mũi Chùi (Bờ Nam)	Đầu kênh Mũi Chùi	Giáp ranh xã Khánh Tiến	1.2
32	Kênh Khơ Me lớn	Kênh Khơ Me lớn, bờ Tây (Đầu cầu)	Hết ranh đất ông Danh Âm	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
33	Ngã ba Kim Đài - ngã ba Lung Vườn	Ngã ba Kim Đài, bờ Tây (UBND xã)	Ngã ba Lung Vườn	1.2
34	Ngã ba Kim Đài - ngã ba Lung Vườn	Ngã ba Đường Cuốc, bờ Đông (Trạm y tế xã)	Ngã ba Lung Vườn	1.2
35	Ngã ba Lung Vườn - Kênh Sáu Nhiễu	Ngã ba Lung Vườn	Đầu kênh Sáu Nhiễu	1.3
36	Ngã ba Đường Cuốc - Xã Thìn	Ngã ba Đường Cuốc, bờ Nam	Xã Thìn (Giáp xã Khánh Thuận)	1.3
37	nt	Ngã ba Đường Cuốc, bờ Bắc	Xã Thìn (Giáp xã Khánh Thuận)	1.4
38	Kênh Lung Ngang	Đầu kênh Lung Nganh, bờ Tây	Ngã ba kênh xáng Đứng	1.2
39	Kênh Cùng	Kênh Cùng, bờ Bắc (Giáp kênh Đường Cuốc)	Kênh xáng Đứng	1.2
40	Kênh Khơ Me Nhỏ(Bờ Tây)	Giáp kênh Công nghiệp	Giáp sông Hương Mai	1.2
41	Kênh Năm Đang(Bờ Bắc)	Đầu kênh Kim Đài, bờ Bắc	Kênh Hai Huỳnh	1.2
42	Kênh 3 Chinh (Bờ Tây)	Giáp lộ Khánh Lâm	Ngã 3 ngọn Kim Đài	1.2
43	Kênh Sáng Đứng (Bờ Đông)	Đầu lộ Kênh Cùng	Trường Võ Văn Tần	1.2
44	Kênh 12 hộ (Bờ Tây)	Ngã 4 Lung Ngang	Ngã 4 chữ Đinh	1.2
45	Kênh Lung Vườn - Chánh Bảy (Bờ Bắc)	Ngã 4 Lung Vườn	Chánh Bảy	1.2
3. Xã Khánh Tiến				
46	Tuyến sông Hương Mai	Phía Nam lộ xe từ cống Hương Mai	Kênh Công Điền, bờ Tây	1.2
47	nt	Kênh Công Điền, bờ Đông	Giáp xã Khánh Hòa	1.2
48	nt	Phía Bắc từ cống Hương Mai	Kênh Chà Là, bờ Tây	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
49	Tuyến sông Hương Mai	Kênh Chà Là, bờ Đông	Giáp xã Khánh Hòa	1.2
50	Kênh Chà Là (Thống Nhất) - cống Tiểu Dừa	Ngã ba kênh Chà Là, bờ Tây	Ngã tư Tiểu Dừa	1.2
51	nt	Ngã ba kênh Chà Là, bờ Đông	Ngã tư kênh Tiểu Dừa	1.2
52	nt	Ngã tư kênh Tiểu Dừa, bờ Nam	Cống Tiểu Dừa	1.2
53	UBND xã Khánh Tiến - Rạch Dinh	UBND xã Khánh Tiến, hướng Tây	Ngã tư rạch Choại	1.2
54	nt	UBND xã Khánh Tiến, hướng Đông	Ngã tư rạch Choại	1.2
55	nt	Ngã tư rạch Choại, bờ Tây	Ngã tư rạch Dinh	1.2
56	nt	Ngã tư rạch Choại, bờ Đông	Ngã tư rạch Dinh	1.2
57	nt	Ngã tư rạch Choại, bờ Bắc	Giáp xã Khánh Hòa	1.2
58	nt	Ngã tư rạch Choại, bờ Nam	Giáp xã Khánh Hòa	1.2
59	nt	Ngã tư rạch Choại, bờ Bắc	Đê Biển Tây	1.2
60	nt	Ngã tư rạch Choại, bờ Nam	Đê Biển Tây	1.2
61	Ngã tư rạch Dinh-Khánh Lâm, Khánh Hội	Ngã tư rạch Dinh, bờ Tây	Ngã ba Lung Ranh	1.2
62	nt	Ngã tư rạch Dinh, bờ Đông	Ngã ba Lung Ranh	1.2
63	nt	Ngã ba Lung Ranh, bờ Bắc	Cống Lung Ranh	1.2
64	nt	Ngã tư rạch Dinh, bờ Bắc	Đê Biển Tây	1.2
65	nt	Ngã tư rạch Dinh, bờ Nam	Đê Biển Tây	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
66	Ngã tư rạch Dinh-Khánh Lâm, Khánh Hội	Ngã tư rạch Dinh, bờ Bắc	Giáp xã Khánh Lâm	1.2
67	nt	Ngã tư rạch Dinh, bờ Nam	Giáp xã Khánh Lâm	1.2
68	Kênh Mười Hậu	Đầu kênh Mười hậu, bờ Đông	Cuối kênh	1.2
69	nt	Đầu kênh Mười Hậu, bờ Tây	Cuối kênh	1.2
70	Kênh Cựa Gà	Đầu kênh Cựa Gà, bờ Nam	Ngọn Cựa Gà, bờ Tây	1.2
71	nt	Đầu kênh Cựa Gà, bờ Bắc	Ngọn Cựa Gà, bờ Đông	1.2
72	Kênh 6 Mậu (Bờ Bắc)	Kênh 3 Thước	Cuối kênh	1.2
73	Bờ Nam Rạch Dinh	Ngã ba Xóm Mới	Kinh Út Nhuận	1.2
4. Xã Nguyễn Phích				
74	Tuyến sông Cái Tàu (Bờ Đông)	Bờ Bắc Bảy Hộ	Bờ Nam Ông Khẹn	1.2
75	nt	Bờ Bắc ông Khẹn	Bờ Nam Đội Tâm	1.3
76	nt	Bờ Bắc Đội Tâm	Bờ Nam Cây Khô (Giáp thị trấn)	1.2
77	Kênh Zero	Đầu kênh Zero, bờ Nam	Cầu Bình Minh	1.2
78	nt	Đầu kênh Zero, bờ Bắc	Giáp huyện Thới Bình	1.2
79	Kênh xáng Bình Minh	Kênh xáng Bình Minh, bờ Tây	Giáp xã Khánh An	1.2
80	Đông Nổng Ông Sâu	Bắc Kênh Zero (Bờ Đông)	Nam Ông Sâu	1.2
81	Đông Nổng Ông Sâu	Bắc Kênh Zero (Bờ Tây)	Nam Ông Sâu	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
82	Rạch Ông Sâu	Đầu rạch Ông Sâu, bờ Bắc	Giáp kênh Tư	1.2
83	Rạch Ông Sâu	Đầu rạch Ông Sâu, bờ Nam	Giáp kênh Tư	1.2
84	Rạch Tềnh	Đầu rạch Tềnh, bờ Bắc	Giáp kênh Tư	1.2
85	nt	Đầu rạch Tềnh, bờ Nam	Giáp kênh Tư	1.2
86	Rạch Sộp	Đầu rạch Sộp, bờ Bắc	Giáp kênh Tư	1.2
87	nt	Đầu rạch Sộp, bờ Nam	Giáp kênh Tư	1.2
88	Rạch Chệt	Đầu rạch Chệt, bờ Bắc	Giáp kênh Tư	1.2
89	nt	Đầu rạch Chệt, bờ Nam	Giáp kênh Tư	1.2
90	Bờ Tây sông Cái Tàu	Rạch Lung Điểm, bờ Bắc	Rạch Rọi, bờ Nam	1.3
91	nt	Rạch Rọi, bờ Bắc	Bờ Nam Bà Y	1.2
92	nt	Bờ Bắc bà Y	Giáp ranh thị trấn	1.2
93	Dọc theo tuyến lộ xe U Minh - Cà Mau	Rạch Ông Điểm, bờ Bắc	Giáp thị trấn	1.3
94	Kênh Khai Hoang	Bờ Nam Khai Hoang (Sông Cái Tàu)	Lộ xe U Minh - Cà Mau	1.2
95	nt	Bờ Bắc Khai Hoang (Sông Cái Tàu)	Lộ xe U Minh - Cà Mau	1.2
96	Kênh 29	Cầu Khai Hoang, bờ Bắc	Giáp xã Khánh Lâm	1.2
97	Kênh số 3 (Tên cũ: Ngọn rạch Tềnh)	Kênh 4 (Bờ Nam kênh số 3)	Bờ bao ba Quý	1.2
98	nt	Kênh 4 (Bờ Bắc kênh số 3)	Bờ bao ba Quý (Có đường bê tông)	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
99	Rạch Tắc	Đầu rạch Tắc, bờ Nam	Giáp kênh Tư (Có đường bê tông)	1.2
100	nt	Đầu rạch Tắc, bờ Bắc	Giáp kênh Tư	1.2
101	Rạch Ông Điểm	Giáp lộ xe U Minh - Cà Mau, bờ Bắc	Sông Cái Tàu (Lộ nhựa)	1.2
102	Rạch Phó Nguyên	Giáp lộ xe U Minh - Cà Mau, bờ Bắc	Sông Cái Tàu	1.2
103	Rạch Phó Nguyên	Giáp lộ xe U Minh - Cà Mau, bờ Nam	Sông Cái Tàu	1.2
104	Kênh Đội Tâm	Đầu kênh Đội Tâm (Bờ Nam)	Giáp Kênh 4	1.2
105	nt	Đầu kênh Đội Tâm (Bờ Bắc)	Giáp Kênh 4	1.2
106	Kênh Ba Tây (Bờ Đông)	Đầu kênh Ba Tây	Rạch Tền	1.2
107	Kênh Ba Tỉnh (Bờ Nam)	Đầu kênh Ba Tỉnh	Kênh xáng Bình Minh	1.2
108	Rạch Nàng Chăng (Bờ Nam)	Đầu Rạch Nàng Chăng	Lộ xe U Minh - Cà Mau	1.2
109	Rạch Bà Án (Bờ Nam)	Đầu Rạch Bà Án	Kinh Hai Khẹn	1.2
110	Rạch Chuôi (Bờ Nam)	Đầu Rạch Chuôi	Kênh Tư	1.2
111	Rạch Hàng (Bờ Nam)	Sông Cái Tàu	Lộ xe U Minh – Cà Mau	1.2
112	Rạch Giồng Ông (Bờ Nam)	Sông Cái Tàu	Kênh Tư	1.2
113	Rạch Ngã Bác (Bờ Tây)	Rạch Giồng Ông	Kênh Tư	1.2
114	Kênh 35 (Bơ Bắc)	Giáp lộ xe U Minh - Cà Mau	Giáp lộ kênh 96	1.2
115	Kênh 4 (Bờ Đông)	Ngọn Rạch Tềnh	Kênh Zero (Bờ Đông)	1.2

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 (K)
		Từ	*Đến*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
116	Lộ U Minh - Thới Bình	Lộ U Minh - Cà Mau	Lộ kênh sáng Bình Minh	1.2
5. Xã Khánh Lâm				
117	Tuyến lộ xe U Minh – Khánh Hội (Bờ Bắc)	Kênh Cây Bàng, bờ Tây	Kênh Miễu, bờ Đông	1.5
118	nt	Kênh Miễu, bờ Tây	Kênh Chệt Tửng, bờ Đông	1.3
119	Tuyến lộ xe U Minh – Khánh Hội (Bờ Nam)	Kênh Cây Bàng, bờ Tây	Kênh Miễu, bờ Đông	1.3
120	nt	Kênh Miễu, bờ Tây	Kênh Chệt Tửng, bờ Đông	1.4
121	Kênh Chệt Tửng	Đầu kênh Chệt Tửng, bờ Đông	Đập Chín Thống	1.2
122	Bờ Đông kênh Sáu Tiến - Đội 1	Đầu lộ xe (Cống kênh Sáu Tiến)	Cầu kênh Dớn Hàng Gòn (Đầu kênh)	1.3
123	nt	Đầu kênh Dớn Hàng Gòn	Đội 1	1.2
124	Bờ tây kênh Sáu Tiến – Đội 1	Đầu lộ xe (Cống kênh Sáu Tiến)	Cầu kênh Dớn Hàng Gòn (Đầu kênh)	1.2
125	nt	Cầu kênh Dớn Hàng Gòn (Đầu kênh)	Đội 1	1.2
126	Tuyến kênh 89	Bờ Tây (Đội 1 - đầu lộ nhựa)	Giáp tuyến kênh 29	1.2
127	nt	Bờ Đông (Đội 1 - đầu lộ đất)	Giáp tuyến kênh 29	1.2
128	Dọc theo lộ nhựa tuyến 29	Tuyến 93 (Giáp xã Nguyễn Phích)	Tuyến 89	1.2
129	nt	Tuyến 89	Tuyến 84 (Giáp xã Khánh Hội)	1.2
130	Bờ nam kênh 29	Tuyến 93 (Giáp xã Khánh An)	Tuyến 84 (Giáp xã Khánh Hội)	1.2
131	Kênh Dớn Hàng Gòn - Kênh Đứng	Cầu 6 Kham, bờ Nam	Kênh Đứng, bờ Tây	1.2